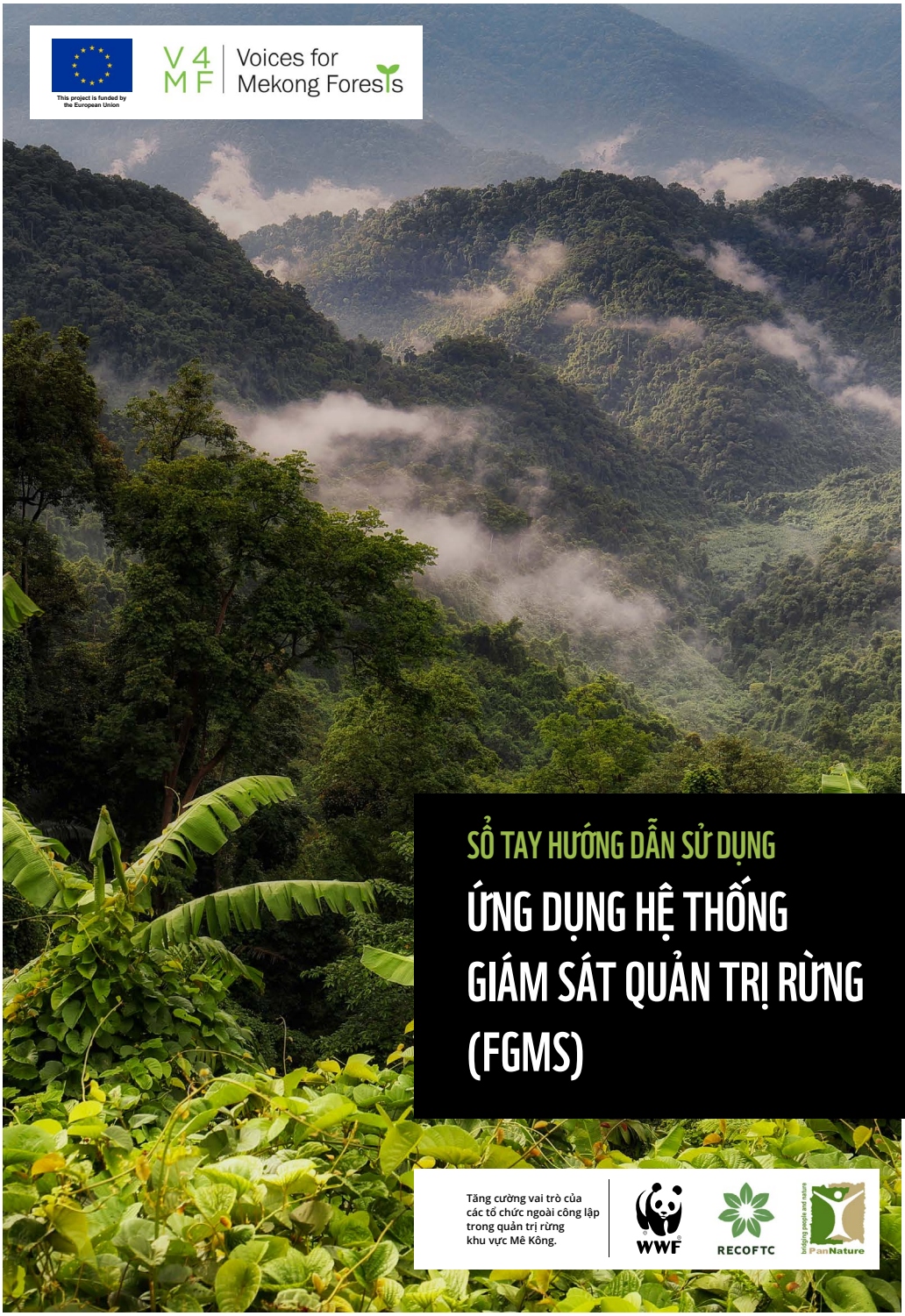

This project is funded by the European Union

V4MF | Voices for Mekong Forests

SỔ TAY HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

ỨNG DỤNG HỆ THỐNG GIÁM SÁT QUẢN TRỊ RỪNG (FGMS)

Tăng cường vai trò của các tổ chức ngoài công lập trong quản trị rừng khu vực Mê Kông.

WWF

RECOFTC

bridging people and nature PanNature

Tài liệu này được thực hiện với sự tài trợ của Liên minh Châu Âu trong khuôn khổ dự án Tăng cường vai trò của các tổ chức ngoài công lập trong quản trị rừng ở khu vực Mê Kông (Voice for Mekong Forests– V4MF).

Nội dung tài liệu do WWF, PanNature và RECOFTC chịu trách nhiệm, không nhất thiết phản ánh quan điểm của Liên minh Châu Âu và các đối tác khác.

Mọi trao đổi, góp ý và đề xuất cho nội dung của Hướng dẫn xin gửi về nhóm nghiên cứu của Dự án V4MF:

Bà Nguyễn Bích Hằng
Email: hang.nguyenbich@wwf.org.vn
Ông Hồ Văn Lộc
Email: loc.hovan@wwf.org.vn
Ông Vũ Hữu Thân
Email: than.vu@recoftc.org
Bà Lê Hà Thu
Email: hathu@nature.org.vn
Ông Nguyễn Văn Hoàng
Email: hoang@nature.org.vn

WWF – Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên: hoạt động với sứ mệnh ngăn chặn sự xuống cấp của môi trường tự nhiên của trái đất và xây dựng một tương lai trong đó con người sống hài hoà với thiên nhiên, bằng cách bảo tồn đa dạng sinh học của thế giới; thúc đẩy sử dụng bền vững những nguồn tài nguyên có thể tái tạo; và giảm ô nhiễm và tiêu thụ lãng phí.
Website: www.vietnam.panda.org
Fanpage: https://www.facebook.com/VietnamWWF

RECOFTC – Trung tâm vì Con người và Rừng: là một tổ chức phát triển năng lực hoạt động để đảm bảo rằng các cộng đồng địa phương có thể tích cực quản lý rừng của họ nhằm đảm bảo các lợi ích tối ưu về xã hội, kinh tế và môi trường.
Website: www.recoftc.org
Fanpage: https://www.facebook.com/recoftc

PanNature – Trung tâm Con người và Thiên nhiên: được thành lập năm 2006 nhằm bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng và phong phú của thiên nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương thông qua tìm kiếm, quảng bá, thực hiện các giải pháp bền vững và thân thiện với môi trường.
Website: www.nature.org.vn
Fanpage: https://www.facebook.com/PanNature

Ảnh bìa trước và bìa sau: © WWF-Việt Nam / Thành Thế Vinh

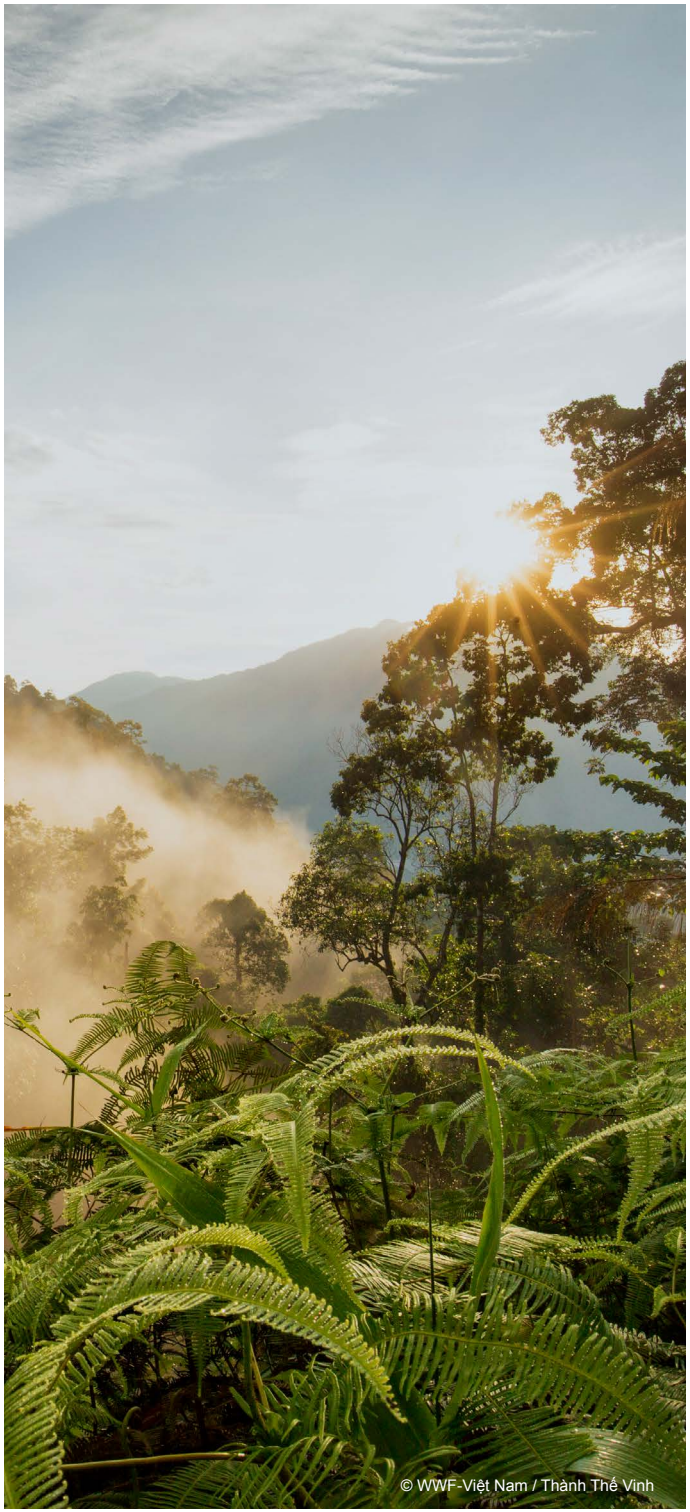

LỜI GIỚI THIỆU VÀ CẢM ƠN

Tài liệu này được xây dựng trong khuôn khổ dự án Tăng cường vai trò của các tổ chức ngoài công lập trong quản trị rừng ở khu vực Mê Kông (Voice for Mekong Forests – V4MF). Dự án do Trung tâm Con người và Rừng (RECOFTC), Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), và Tổ chức quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (WWF) đồng thực hiện. Nhóm soạn thảo cũng xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ, đồng hành của Tiến sỹ Lê Thiện Đức là người chắp bút cho cuốn tài liệu này.

Quá trình xây dựng và thử nghiệm Khung Nội dung – Bộ chỉ số giám sát quản trị rừng cấp cảnh quan đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ và đóng góp ý kiến từ Tổ công tác của dự án và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Nam và các cơ quan có liên quan thông qua các hình thức góp ý bằng văn bản, thảo luận tại các cuộc họp kỹ thuật, các hội thảo tham vấn cấp quốc gia và địa phương. Các bên liên quan tại Quảng Nam cũng đã hỗ trợ thực hiện các hoạt động thử nghiệm nhằm đánh giá tính khả thi và phù hợp về nội dung của tài liệu này. Xin cảm ơn sự tham gia của tổ chức xã hội ngoài nhà nước, các cơ quan bảo vệ phát triển rừng cấp trung ương và địa phương trong giai đoạn xây dựng Khung Nội dung – Bộ chỉ số giám sát quản trị rừng cấp cảnh quan.

Dự án V4MF do Ủy ban Châu Âu tài trợ, được triển khai hoạt động tại 5 nước là Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan và Myanmar. Tại Việt Nam, V4MF triển khai thí điểm Hệ thống giám sát quản trị rừng (FGMS) tại tỉnh Quảng Nam với 4 huyện được chọn là Phước Sơn, Nam Trà My, Tây Giang và Nam Giang với mục tiêu tới năm 2021, các tổ chức ngoài công lập được trao quyền và hợp tác tham gia giám sát, đánh giá và có các hành động phù hợp để tăng cường hệ thống quản trị rừng, đặc biệt liên quan tới việc thực hiện Hiệp định VPA/FLEGT và REDD+, và tham gia một cách hiệu quả vào các quá trình chính sách lâm nghiệp.

TỪ VIẾT TẮT

BVR	Bảo vệ rừng
CCKL	Chi cục Kiểm lâm
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
ĐVHD	Động vật hoang dã
EEAT	Công cụ đánh giá môi trường thuận lợi
ERPA	Thỏa thuận Chi trả Giảm phát thải
EVFTA	Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu
FCPF	Quỹ Đối tác Carbon trong Lâm nghiệp
FGMS	Hệ thống giám sát quản trị rừng
FLEGT	Thực thi lâm luật, Quản trị và Thương mại lâm sản
HĐND	Hội đồng Nhân dân
KHCN	Khoa học công nghệ
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
LLVT	Lực lượng Vũ trang
MĐSD	Mục đích sử dụng
NSA	Các tổ chức ngoài công lập
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
PFES	Chi trả dịch vụ môi trường rừng
PROFOR	Chương trình về rừng của Ngân hàng Thế giới
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
RECOFTC	Trung tâm vì Con người và Rừng
REDD+	Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng
RTN	Rừng tự nhiên
TNMT	Tài nguyên môi trường
UN-REDD	Chương trình Giảm phát thải từ mất rừng và suy thoái rừng toàn cầu của Liên hiệp quốc
V4MF	Dự án Tăng cường vai trò của các tổ chức ngoài công lập trong quản trị rừng ở khu vực Mê Kông
VPA	Hiệp định đối tác tự nguyện
WWF	Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU 01

PHẦN II. KHUNG NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ - GIÁM SÁT QUẢN TRỊ RỪNG 06

2.1 Cơ sở và định hướng xây dựng nội dung giám sát 06

2.2. Sơ lược khung nội dung giám sát - đánh giá quản trị rừng 10

2.3. Phương pháp thu thập thông tin 14

PHẦN III. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG GIÁM SÁT QUẢN TRỊ RỪNG 15

3.1. Địa chỉ truy cập và lựa chọn sử dụng 16

3.2. Cài đặt ứng dụng 16

3.2.1. Cài đặt trên điện thoại chạy hệ điều hành Android hoặc iOS18

3.2.2. Cài đặt trên máy tính 24

3.3 . Kết cấu giao diện bảng hỏi 30

3.3.1. Giao diện bảng hỏi trên smartphone 30

3.3.2. Giao diện trên trình duyệt web và trên máy tính 34

3.3.3. Hướng dẫn trả lời bảng hỏi và gửi kết quả 36

3.4. Tổng hợp kết quả và xuất kết quả khảo sát 39

3.4.1. Overview: Tổng quan kết quả khảo sát 40

3.4.2. Analyse: Phân tích dữ liệu 42

3.4.3. Data: Khai thác Dữ liệu và bản đồ trực tuyến 46

TÀI LIỆU THAM KHẢO 48

PHỤ LỤC 49

© WWF-Việt Nam / Thành Thế Vinh

Phần I. GIỚI THIỆU

Quản trị rừng trở nên phổ biến trong các thảo luận tại Việt Nam kể từ khi Chính phủ bắt đầu các đàm phán Hiệp định đối tác tự nguyện giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu về Thực thi lâm luật, quản trị rừng và thương mại lâm sản (FLEGT), trong khuôn khổ Hiệp định thương mại tự do giữa hai bên. Nếu coi quản lý rừng là một nhiệm vụ thì quản trị rừng là một hệ thống đảm bảo sự kiểm soát và vận hành cũng như các cơ chế mà ngành lâm nghiệp phải chịu trách nhiệm. Các yếu tố cấu thành quản trị rừng bao gồm các nguyên tắc đạo đức, quản lý rủi ro, tuân thủ, và quản lý.

TÍNH CẦN THIẾT THỰC HIỆN GIÁM SÁT - ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ RỪNG

Giám sát quản trị rừng là việc giám sát các chủ thể và thiết chế ra quyết định vận hành, phản ứng một cách kịp thời và phù hợp với vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan trong công tác bảo tồn, phát triển rừng. Phương pháp đánh giá quản trị rừng bắt nguồn từ việc phân tích về bối cảnh lịch sử, văn hoá xã hội, thể chế pháp lý trên một cấp độ cảnh quan, sau đó tiến hành đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến thực trạng bảo tồn rừng. Các kết quả của việc đánh giá về giá trị sinh học, sinh thái, văn hoá và các mối quan hệ tiềm tàng sẽ được sử dụng để đưa ra các kế hoạch hành động cải thiện.

Chỉ số Hiệu quả quản trị rừng đánh giá theo cấp độ cảnh quan ở Việt Nam là công cụ phản ánh kết quả về mức độ hiệu quả điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách Lâm nghiệp tại một khu vực xác định dựa trên kết quả phân tích dữ liệu thứ cấp và tiếng nói của các bên liên quan. Các chỉ số giám sát Hiệu quả quản trị rừng hướng tới cải thiện hiệu quả của việc xây dựng và thực thi các chính sách lâm nghiệp tại địa phương. Dựa trên bộ công cụ được phát triển sẵn, người dân có cơ hội tham gia đánh giá hiệu quả hoạt động của các bên liên quan, vận động các cơ quan quản lý cải thiện công tác nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng. Thông qua việc cung cấp thông tin và bổ sung dữ liệu liên quan đến quản trị rừng cho các hệ thống sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước, sự tham gia, năng lực của NSA trong các hoạt động giám sát, đánh giá quản trị rừng từ thực tiễn địa phương được tăng cường.

Chỉ số Hiệu quả quản trị rừng được đánh giá hàng năm dựa trên kết quả thực hiện chính sách Lâm nghiệp trong một cấp độ cảnh quan theo các nguyên tắc về:

- công khai, minh bạch trong việc ra quyết định,
- hiệu quả, hiệu suất trong kiểm soát vi phạm Luật Lâm nghiệp,
- sự tham gia và quyền hưởng dụng của người dân,
- trách nhiệm giải trình với người dân.

© WWF-Việt Nam / Thành Thế Vinh

MỤC TIÊU THỰC HIỆN

Nhằm hỗ trợ các tổ chức ngoài công lập tham gia một cách có hiệu quả vào tiến trình quản trị rừng, V4MF đã xây dựng bộ chỉ số giám sát Hiệu quả quản trị rừng (FGMS) như một công cụ để giúp cho các tổ chức ngoài công lập thực hiện hoạt động giám sát và đánh giá định kỳ hàng năm.

Kết quả của giám sát, đánh giá quản trị rừng hướng đến mục tiêu là rừng sẽ được bảo vệ và phát triển tốt hơn trên cơ sở:

1. Khuyến nghị điều chỉnh chính sách, các quy định hay quyết định liên quan đến quản trị rừng cho phù hợp với bối cảnh thực tế của địa phương

2. Nâng cao năng lực cho các bên liên quan tham gia vào hệ thống giám sát quản trị rừng

3. Tăng cường tiếng nói của các tổ chức ngoài công lập trong hoạt động quản trị rừng

Để việc thu thập dữ liệu cũng như xử lý thống kê dữ liệu đảm bảo được tính đồng nhất với độ chính xác cao, tiết kiệm thời gian và dễ dàng sử dụng. V4MF đã phát triển một ứng dụng di động có thể cài đặt và sử dụng cả trên máy tính lẫn thiết bị điện tử di động giúp các NSA thực hiện việc thu thập thông tin trên hiện trường một cách dễ dàng. Ứng dụng này sẽ được chuyển giao cho các NSA sử dụng vào cuối năm 2021.

KẾT QUẢ KỲ VỌNG

Một hệ thống giám sát - đánh giá quản trị rừng sẽ được thiết lập và vận hành đồng bộ, thống nhất theo quy mô cảnh quan. Hệ thống này có thể được vận dụng với các chủ thể và tần suất thực hiện như sau:

Chủ thể thực hiện:

- Các tổ chức xã hội ngoài nhà nước: sử dụng hướng dẫn này phục vụ cho công tác theo dõi, giám sát thực hiện và đánh giá hiệu quả quản trị rừng trong việc ban hành các văn bản pháp luật, xây dựng chương trình/ kế hoạch, và thực thi pháp luật dựa trên thông tin theo dõi, giám sát thu thập được, từ đó đưa ra các khuyến nghị chính sách và quản lý tới các nhà hoạch định chính sách và quản lý nhà nước;
- Các cơ quan thực hiện trách nhiệm giám sát (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp);
- Các tổ chức ngoài công lập và báo giới.

Định kỳ thực hiện:

- Đánh giá và báo cáo đánh giá quá trình, kết quả và hiệu quả quản trị rừng theo định kỳ hàng năm;
- Đánh giá độc lập về mức độ đáp ứng tính minh bạch, công bằng và hiệu quả được khuyến nghị thực hiện 3-5 năm/lần tùy theo yêu cầu giám sát-đánh giá, mục đích quản lý hoặc điều chỉnh chính sách Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ NN-PTNT).

Quá trình này sẽ giúp nhìn rõ được những điểm mạnh cũng như những vấn đề, lỗ hổng, vướng mắc trong quản trị rừng ở cấp độ cảnh quan, từ đó cung cấp các khuyến nghị tới các cấp quản lý (Hạt Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm, Tổng cục Lâm nghiệp) để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của chính sách.

Phần II. KHUNG NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ - GIÁM SÁT QUẢN TRỊ RỪNG

2.1 CƠ SỞ VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG NỘI DUNG GIÁM SÁT

Khung nội dung giám sát được xây dựng dựa trên cơ sở đáp ứng yêu cầu cơ chế giám sát và đánh giá của FLEGT/VPA, yêu cầu giám sát thực hiện kế hoạch REDD+ quốc gia, và cơ chế giám sát, đánh giá trong PFES.

VPA là thỏa thuận tự nguyện giữa EU và một quốc gia đối tác. Theo đó, hai bên cùng nhau hỗ trợ các mục tiêu của kế hoạch hành động của FLEGT và thực hiện hệ thống cấp phép cho gỗ. VPA nhằm mục đích đóng góp vào cam kết của các nước sản xuất gỗ trong thúc đẩy quản lý rừng bền vững thông qua sự hỗ trợ để nâng cao hiệu lực pháp luật và năng lực quản lý điều hành. Phần chung cho mọi VPA, phần các quốc gia đối tác hoặc đã có, hoặc đang phát triển, là hệ thống luật pháp tin cậy, cơ cấu hành chính và các hệ thống kỹ thuật để xác minh tính hợp pháp của gỗ. Phần này bao gồm:

(a) Cam kết đảm bảo luật lâm nghiệp đang thực thi là nhất quán, rõ ràng, có hiệu lực và thúc đẩy quản lý rừng bền vững;

(b) Phát triển hệ thống kỹ thuật và hành chính giám sát được các hoạt động khai thác, xác định và theo dõi được sự lưu thông của gỗ từ lô khai thác tới thị trường hoặc cảng xuất khẩu;

(c) Cam kết đảm bảo sự minh bạch và trách nhiệm rõ ràng trong quản lý rừng;

(d) Thực hiện kiểm tra và đối chiếu trong hệ thống theo dõi và cấp phép, bao gồm cả thực hiện hệ thống giám sát độc lập;

(e) Phát triển các quy trình cấp phép xuất khẩu cho gỗ khai thác hợp pháp.

© WWF-Việt Nam / Thành Thế Vinh

Quyết định 1/CP.16, phụ lục I, điều 2 Các Biện pháp Đảm bảo an toàn REDD+ (Cancun) của UNFCCC quy định, khi thực hiện các hoạt động [REDD+], các biện pháp đảm bảo an toàn sau cần được khuyến khích và hỗ trợ:

(a) Hoạt động REDD+ bổ sung cho hoặc nhất quán với các mục tiêu của các chương trình lâm nghiệp quốc gia và các công ước quốc tế liên quan;

(b) Cơ cấu quản trị rừng quốc gia minh bạch và hiệu quả, xem xét đến pháp luật và chủ quyền quốc gia;

(c) Tôn trọng kiến thức và quyền của các dân tộc bản địa và các thành viên của cộng đồng địa phương, thông qua xem xét các nghĩa vụ quốc tế có liên quan, bối cảnh và luật pháp quốc gia;

(d) Đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, đặc biệt là người dân bản địa và các cộng đồng địa phương;

(e) Các hoạt động REDD+ nhất quán với việc bảo tồn rừng tự nhiên và đa dạng sinh học, đảm bảo các hoạt động không được sử dụng để chuyển đổi rừng tự nhiên, mà thay vào đó là để khuyến khích việc bảo vệ, bảo tồn rừng tự nhiên và các dịch vụ hệ sinh thái, đồng thời nâng cao lợi ích khác về xã hội và môi trường;

(f) Hành động để giải quyết các rủi ro gây ra bởi các hoạt động đảo ngược;

(g) Hành động để giảm dịch chuyển phát thải.

Chi trả dịch vụ môi trường trong những năm gần đây được coi là một chính sách hữu ích, giúp công nhận và lượng hóa được một giá trị không nhỏ các dịch vụ hệ sinh thái hiện đang được cung cấp bởi ngành lâm nghiệp ở Việt Nam. Chính sách này sử dụng nguyên tắc những người sử dụng giá trị môi trường rừng phải chi trả một phần lợi ích kinh tế mà họ nhận được cho những người tạo ra giá trị ấy. Nói cách khác, chính sách chi trả DVMTR ra đời đã bù đắp được phần nào cho những nỗ lực và công sức của những người làm nghề rừng ở Việt Nam. Việc thực hiện giám sát – đánh giá, do đó, hướng tới mục tiêu đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân và được điều chỉnh thường xuyên nhằm đảm bảo đúng mục tiêu "...Bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, công bằng, ..." (Khoản 5, Điều 62, Luật Lâm nghiệp) trong quá trình thực hiện.

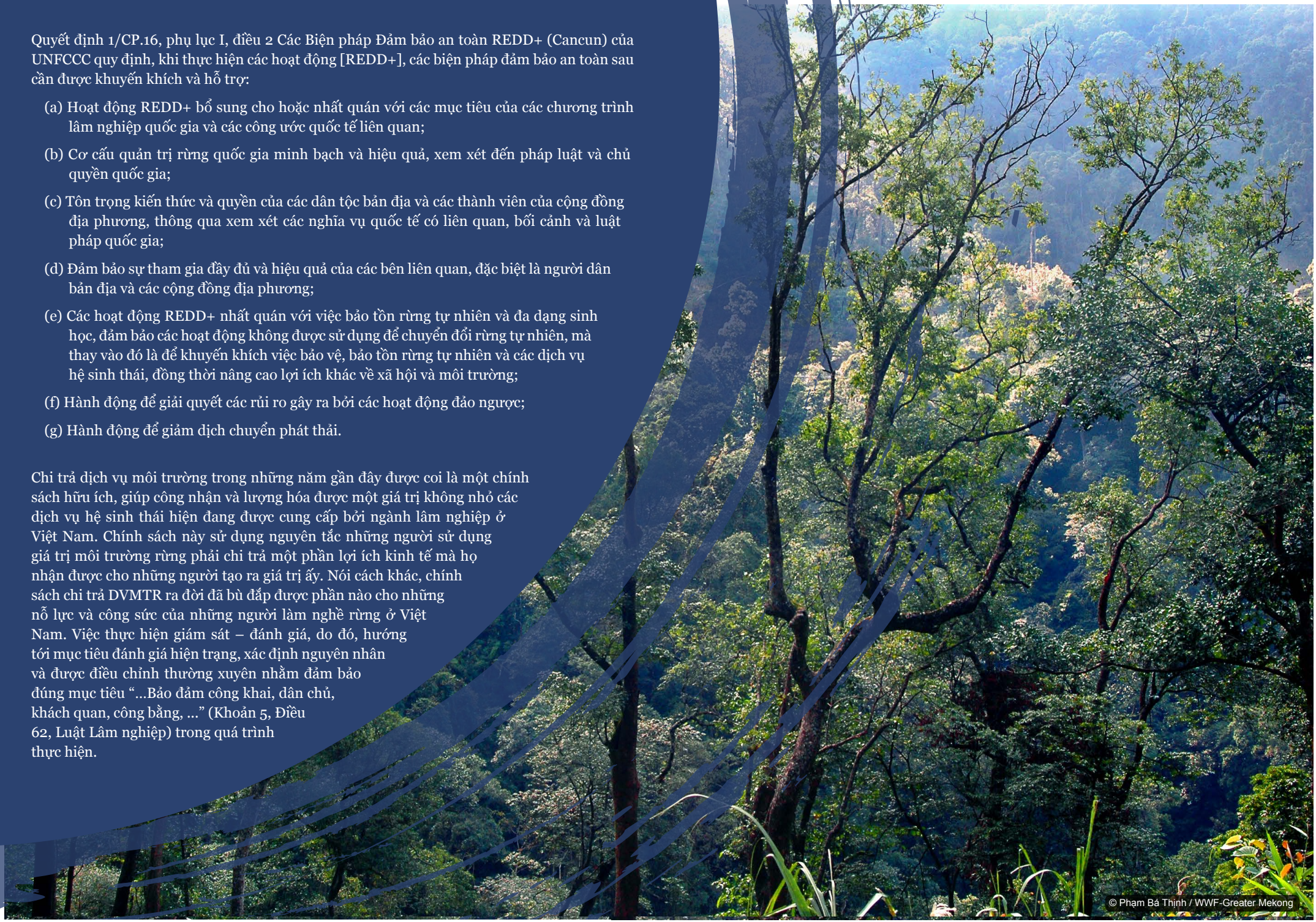
© Phạm Bá Thịnh / WWF-Greater Mekong

2.2. SƠ LƯỢC KHUNG NỘI DUNG GIÁM SÁT - ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ RỪNG

Dựa trên các yêu cầu đánh giá giám sát nói trên, khung Giám sát – Đánh giá này được xây dựng dựa trên Công cụ đánh giá môi trường thuận lợi (EEAT) của WWF và khung đánh giá và giám sát quản trị rừng của PROFOR. Khung đánh giá này đưa ra một loạt các chỉ số, được chia thành sáu nguyên tắc đan xen vào ba trụ cột quản trị (Khung chính sách, pháp lý và thể chế; Quy trình lập kế hoạch và ra quyết định; và Thực hiện, thực thi và tuân thủ) (xem hình dưới).

Bảng 1. Trụ cột của Khung giám sát quản trị rừng của PROFOR

Nội dung của khung giám sát hiệu quả Quản trị rừng của dự án V4MF dựa trên 3 nguyên tắc, 15 tiêu chí về nhiều vấn đề chính sách Lâm nghiệp của Việt Nam (xem bảng trang 12). Các nguyên tắc này được Nhóm công tác giám sát quản trị rừng do dự án V4MF thành lập lựa chọn ưu tiên trong nhóm các nguyên tắc giám sát quản trị rừng của PROFOR như ở hình trang 10.

BA NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ RỪNG

1. Nguyên tắc đảm bảo công bằng, bình đẳng, minh bạch

Khái quát chung công bằng có thể hiểu mọi đối tượng tham gia sẽ có quyền và lợi ích hài hòa trong cùng một hoàn cảnh hay cùng một khía cạnh nào đó. Minh bạch là một trong những nguyên lý quan trọng trong quản trị nhà nước để khẳng định sự lành mạnh của cả một thể chế và xã hội. Ẩn chứa trong khái niệm minh bạch chính là sự rõ ràng, rành mạch, tự do thông tin và trách nhiệm giải trình.

2. Tính hiệu quả, hiệu suất trong quản trị rừng

Tính hiệu quả thể hiện mối tương quan giữa nguồn lực đầu tư với kết quả trung gian hay kết quả cuối cùng. Hiệu quả trong quản trị rừng nên được hiểu là việc đạt được các kết quả, mục tiêu ban đầu nhưng thông qua một phương thức sử dụng ít thời gian, công sức và nguồn lực nhất.

3. Sự tham gia trong quản trị rừng

Sự tham gia là một trong những nguyên tắc quan trọng trong quản trị nhà nước để đảm bảo sự lành mạnh trong vận hành một thể chế và xã hội. Sự tham gia đầy đủ của các bên liên quan sẽ đảm bảo tính minh bạch, giải trình và hiệu quả trong quản trị.

	Tiêu chí	Chỉ số	Câu hỏi
CÔNG BẰNG, MINH BẠCH	Tiêu chí I.1. Tôn trọng quyền hưởng dụng của chủ rừng	Chỉ số I.1.1. Quyền hưởng dụng của chủ rừng theo luật và theo truyền thống	1.2.1 Q2
			1.2.2
		Chỉ số I.1.2. Công bằng trong tiếp cận tài nguyên rừng thông qua giao đất giao rừng và hưởng lợi từ rừng	C.3.4
	Tiêu chí I.2. Công bằng trong chia sẻ lợi ích từ tài nguyên rừng	Chỉ số I.2.1. Chia sẻ lợi ích từ tài nguyên rừng	1.3.2 Q1
	Tiêu chí I.3 – Đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin	Chỉ số I.3.1. Đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin	2.2.1 Q1
			A.4.1
	Tiêu chí I.4 - Giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại	Chỉ số I.4.1. Thiết lập kênh giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại	2.2.1. Q2
			3.4.1 Q1
			3.4.2 Q1
		Chỉ số I.4.2. Kết quả giải đáp thắc mắc và giải quyết khiếu nại	2.2.1 Q2
HIỆU QUẢ, HIỆU SUẤT	Tiêu chí II.1 Sự phù hợp của chính sách, quy hoạch với thực tiễn cảnh quan	Chỉ số II.1.1. Sự phù hợp của chính sách, quy hoạch với thực tiễn cảnh quan	1.1.1 Q1
			1.3.3 Q1
			1.3.3 Q2
	Tiêu chí II.2. Nỗ lực bảo vệ bền vững cảnh quan rừng	Chỉ số II.2.1. Kiểm soát, ngăn chặn gỗ lậu và đảm bảo tính toàn vẹn của rừng tự nhiên	C.1.1
			4.2
		Chỉ số II.2.2. Năng lực và hành động của các bên liên quan	2.3.1 Q1
			3.1.1 Q1
			3.2.1 Q1
			3.3.2 Q1
HIỆU QUẢ, HIỆU SUẤT	Tiêu chí II.3. Hiệu quả quản lý bảo vệ rừng tự nhiên	Chỉ số II.3.1. Hiệu quả thực thi	B.2.5 Q2
			C.1.2
		Chỉ số II.3.2. Hiệu quả bảo vệ tại cộng đồng	C.3.7
			C.3.11
			C.3.13
		Chỉ số II.3.3 – Hoạt động thanh tra, giám sát hoạt động bảo vệ phát triển rừng	3.1.2 Q1
			3.1.2 Q2
			3.1.2 Q3
	Tiêu chí II.4. Những yếu tố ảnh hưởng tới bảo vệ phát triển rừng	Chỉ số II.4.1 – Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả bảo vệ rừng	B.2.7
			C.3.14
			C.3.15
			3.2.1 Q2
		Chỉ số II.4.2 - Những khó khăn, hạn chế	C1.4
			C.1.5
			C.2.3
SỰ THAM GIA	Tiêu chí III.1. Sự tham gia của các bên liên quan vào tiến trình xây dựng và giám sát chính sách	Chỉ số III.1.1. Sự tham gia của các bên liên quan	2.1.1 Q1
			2.1.2
	Tiêu chí III.2. Cơ chế tham gia và tiếp thu tiếng nói từ các bên liên quan	Chỉ số III.2.1. Sự tham gia của các nhóm yếu thế	Q.1.1
		Chỉ số III.2.2. Sự tiếp thu tiếng nói từ các bên liên quan	2.1.1 Q2
	Tiêu chí III.3. Những yếu tố cản trở sự tham gia	Chỉ số III.3.1. Những yếu tố hạn chế sự tham gia của các bên ngoài nhà nước	Q3
TỔNG	11 tiêu chí	18 chỉ số	41 câu hỏi

2.3. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

Thu thập thông tin qua bảng hỏi

Thông tin được thu thập theo phương pháp phỏng vấn dựa trên bảng hỏi có sẵn. Bảng hỏi được tích hợp trên ứng dụng giám sát quản trị rừng (FGMS Application) được cài đặt sẵn trên thiết bị di động thông minh như điện thoại hay máy tính bảng hoặc trên máy tính. Ứng dụng có thể hoạt động khi có internet hoặc không có internet.

Thu thập thông tin thứ cấp

Thu thập tất cả các thông tin liên quan đến diễn biến rừng, chất lượng rừng và xử lý các vi phạm lâm luật. Chi tiết về Mẫu phiếu thu thập thông tin thứ cấp xem trong Phụ lục 2.

PHẦN III. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG GIÁM SÁT QUẢN TRỊ RỪNG

3.1. ĐỊA CHỈ TRUY CẬP VÀ LỰA CHỌN SỬ DỤNG

Tại địa chỉ truy cập: https://arcg.is/ySnnD
Giao diện trang web sau khi vào địa chỉ truy cập và các tuỳ chọn:

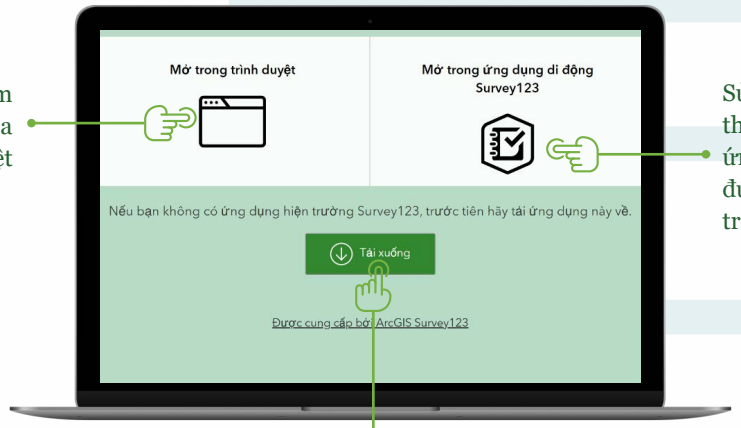

Sử dụng form thông qua trình duyệt

Sử dụng form thông qua ứng dụng được cài đặt trên máy tính

Tải ứng dụng và cài đặt mới cho các hệ điều hành khác

3.2. CÀI ĐẶT ỨNG DỤNG

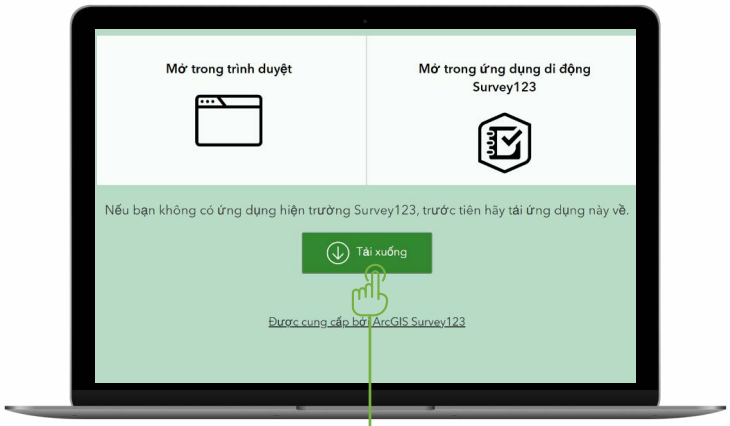

1 Bạn chọn **Tải xuống** để xuất hiện web có giao diện như trang bên.

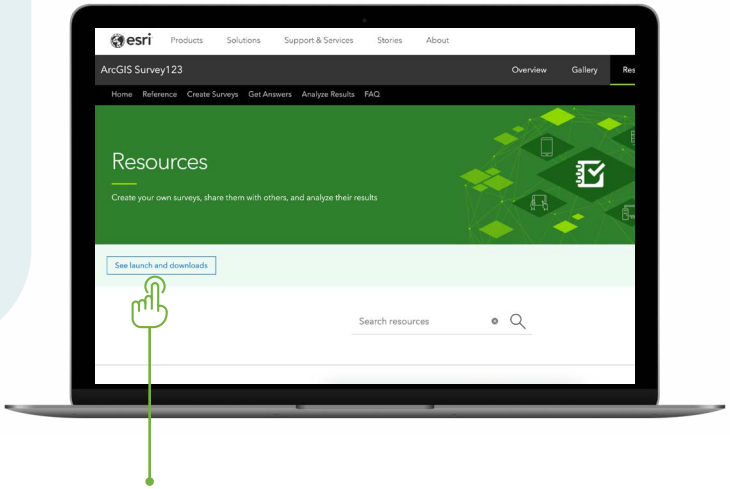

2 Bạn lựa chọn **See Lauch and downloads** để lựa chọn ứng dụng tương ứng với hệ điều hành mà máy tính đang sử dụng

3 Lựa chọn phiên bản cài đặt

ArcGIS Survey123 field app

Fill out or edit survey responses.

Download on the App Store — Tải ứng dụng từ App store tương thích với các sản phẩm Apple (iPhone hoặc iPad)

GET IT ON Google Play — Tải ứng dụng từ kho phần mềm của Google, tương thích với các hệ điều hành Android

available at amazon appstore

Get it from Microsoft — Tải ứng dụng từ kho của Microsoft hệ điều hành Window

Windows x64 — Tải ứng dụng cho hệ điều hành Window 64Bit

Windows x86 — Tải ứng dụng cho hệ điều hành Window 32Bit

macOS — Tải ứng dụng cho hệ điều hành macOS (tương thích với máy tính Macbook của Apple)

3.2.1. Cài đặt trên điện thoại chạy hệ điều hành Android hoặc iOS

Giao diện Android

1. Tại các thiết bị Android, chạy **CH Play**
2. Vào mục tìm kiếm gõ từ khóa **ArcGis Survey123** và thực hiện cài đặt như các bước dưới đây.

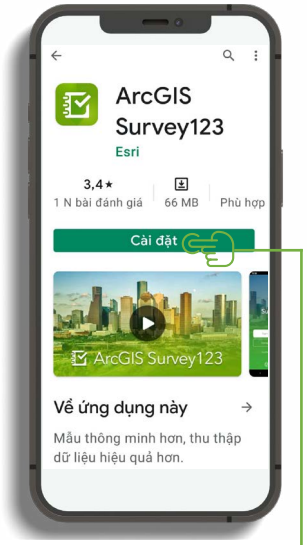

3. Tìm ứng dụng **ArcGis Survey123** và nhấn cài đặt

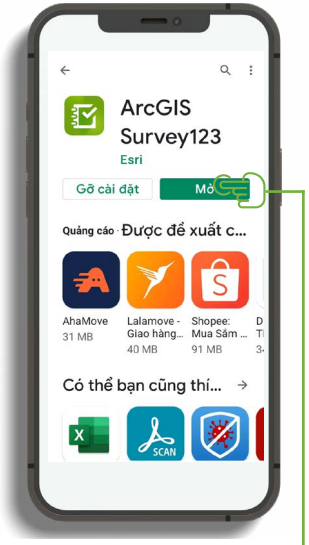

4. Chạy ứng dụng chọn **Open**

5. Giao diện ban đầu

Giao diện iOS

1. Tại các thiết bị có chạy hệ điều hành iOS, chạy **App Store**
2. Vào mục tìm kiếm gõ từ khóa **ArcGis Survey123** và thực hiện cài đặt như các bước dưới đây.
3. Tìm ứng dụng **ArcGis Survey123** và nhấn cài đặt

4. Chạy ứng dụng chọn **Open**

5. Giao diện ban đầu

Có 2 cách đăng nhập:

Cách 1: Sign in with ArcGis Online

Đăng nhập bằng tài khoản ArcGIS online (người sử dụng cần đăng ký 1 tài khoản ArcGIS online trước khi sử dụng)

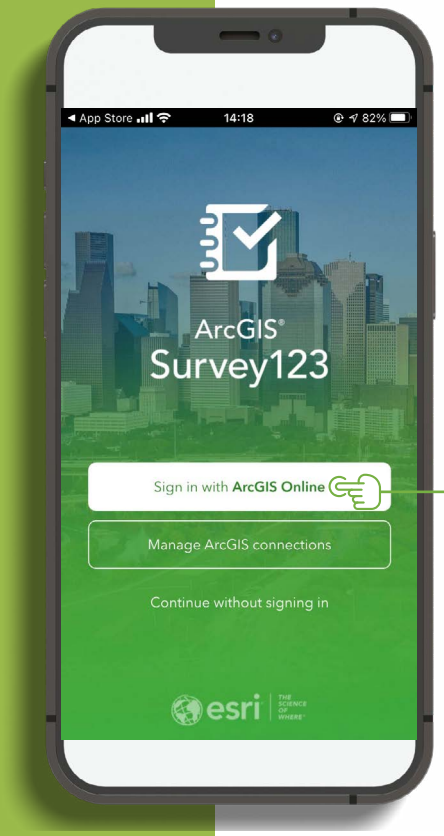

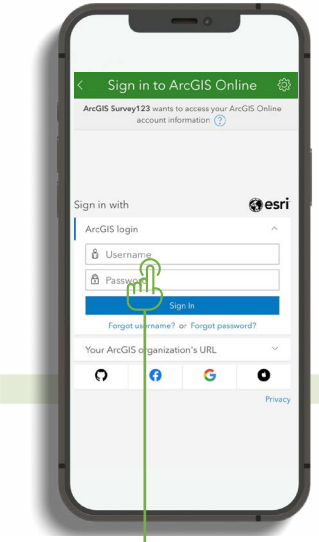

1 Nhập tài khoản đã đăng ký

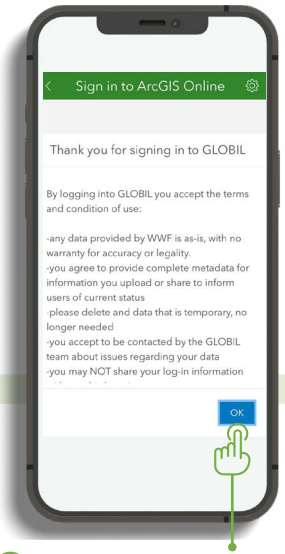

2 Chọn **OK** để vào ứng dụng

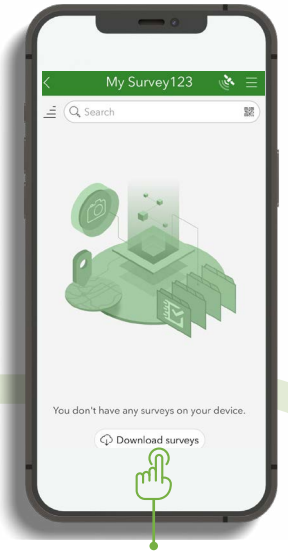

3 Chọn **Download survey** để tải bảng hỏi

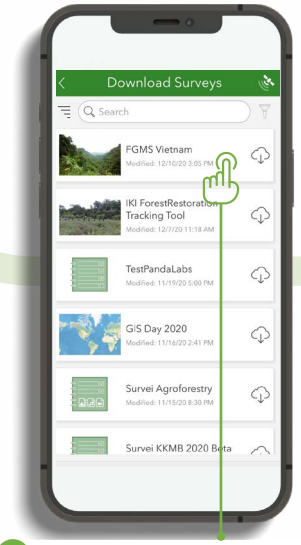

4 Chọn **FGMS Vietnam** để tải bảng hỏi của Việt Nam

5 Đang tải bảng hỏi FGMS Vietnam

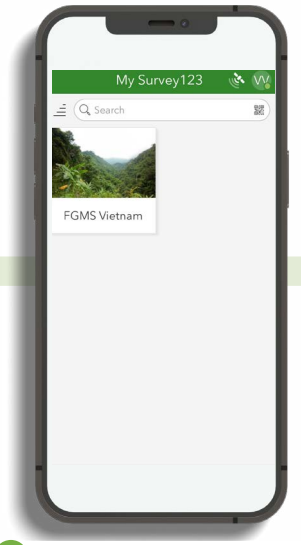

6 Bảng hỏi FGMS Vietnam đã tải thành công

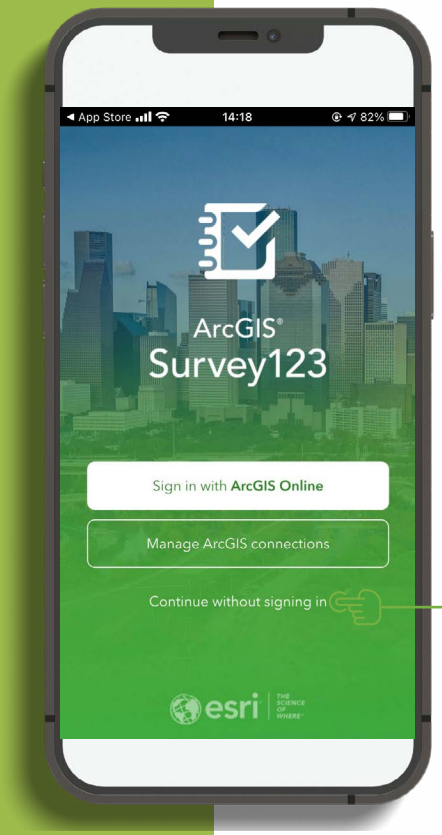

Cách 2: Continue without signing in

Đăng nhập ẩn danh
Lúc này người tham gia sẽ vào thẳng trang trả lời trực tiếp như hình bên. Cách này được áp dụng cho những máy đã thực hiện đăng nhập theo cách 1 sau đó đăng xuất khỏi tài khoản ArcGis online sau khi đã tải bộ bảng hỏi về thiết bị.

1 Chọn **FGMS Vietnam** để vào nội dung bảng hỏi

3 Chọn **Overview** để xem vị trí người trả lời trên bản đồ

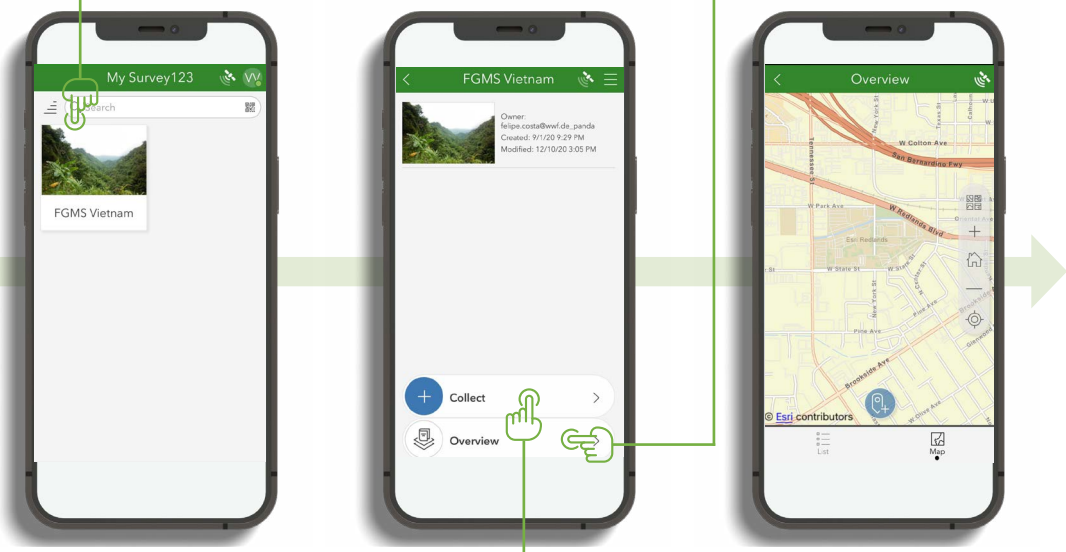

2 Chọn **Collect** để bắt đầu trả lời bảng hỏi. Sau đó hệ thống câu hỏi sẽ hiển thị

3.2.2. Cài đặt trên máy tính

Cài đặt trên máy Window

Tại danh mục tải ứng dụng, chọn phiên bản 64bit hoặc 32bit tùy theo cấu hình của máy.
Cụ thể:

- Phiên bản 64bit: https://links.esri.com/survey123/windows64
- Phiên bản 32bit: https://links.esri.com/survey123/windows

Giao diện bước tải về như hình bên dưới:

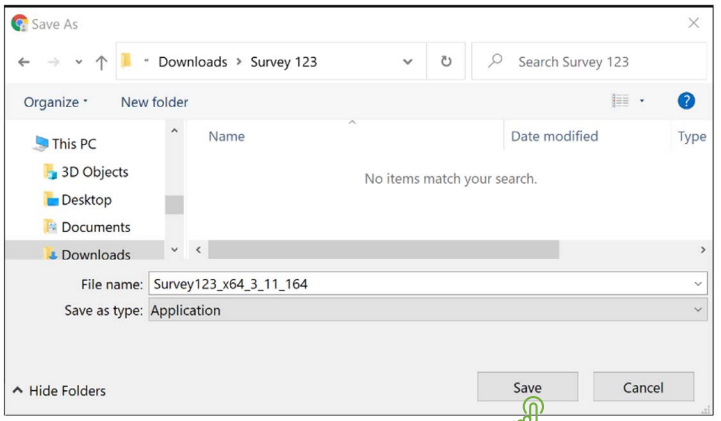

1 Chọn **Save** để tải về

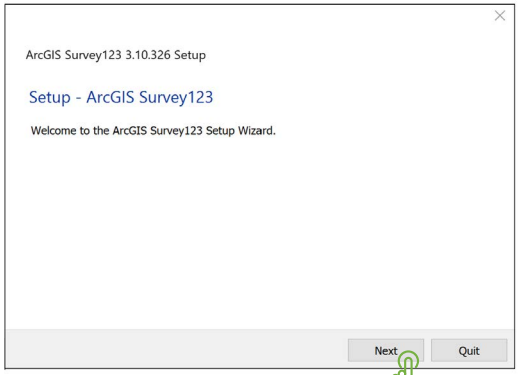

2 Chạy file cài đặt Survey123_x64_3_11_164

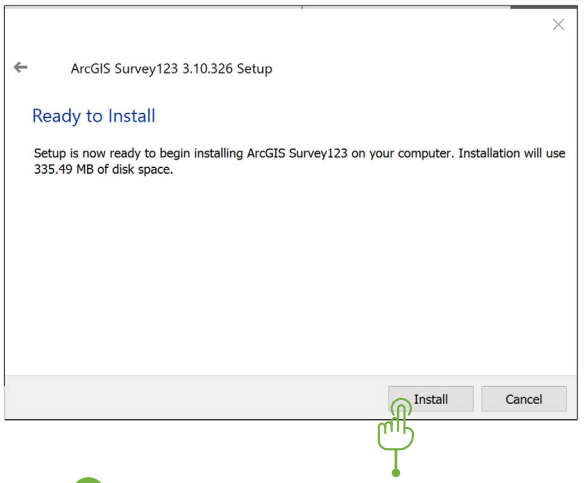

3 Chạy cài đặt có giao diện như trên

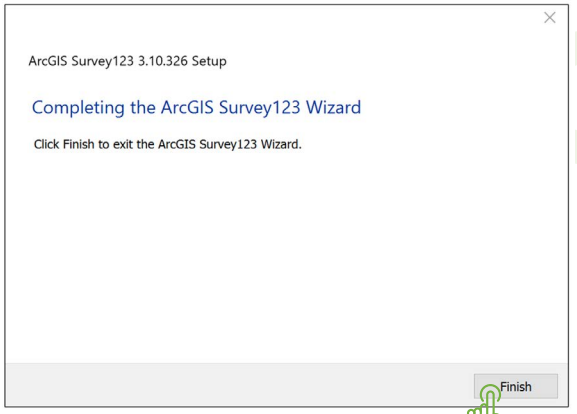

4 Chọn **Next** > **Next** > Chọn **I accept the license** > **Install** > **Finish**

Cài đặt trên máy MacBook

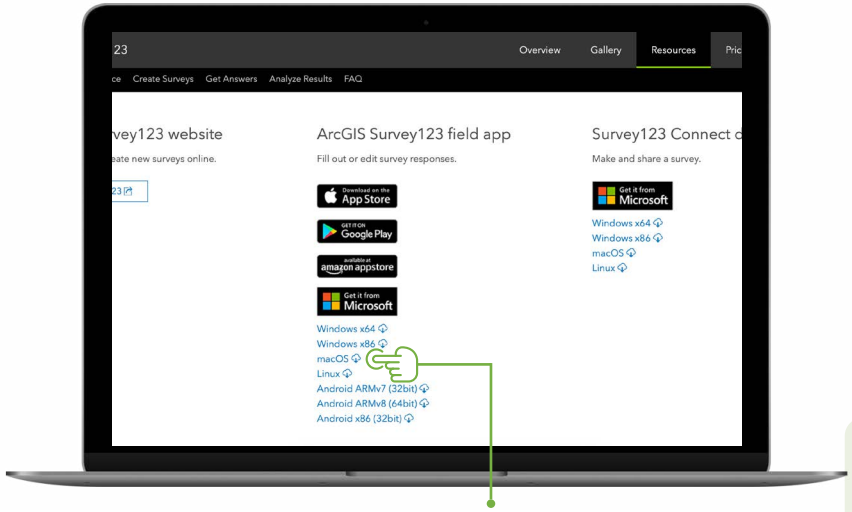

1 Các máy MacBook của apple lựa chọn macOS ở mục danh sách phần mềm tải về (mục 3.2) để tải phần mềm Survey123_x64_3_11_164.dmg

2 Sau khi tải thành công, phần mềm sẽ được lưu ở thư mục download trên ổ cứng của Mac

3 Nháy kép tại phần mềm đã tải

4 Tiến trình cài đặt: thực hiện tiến trình theo các hình dưới

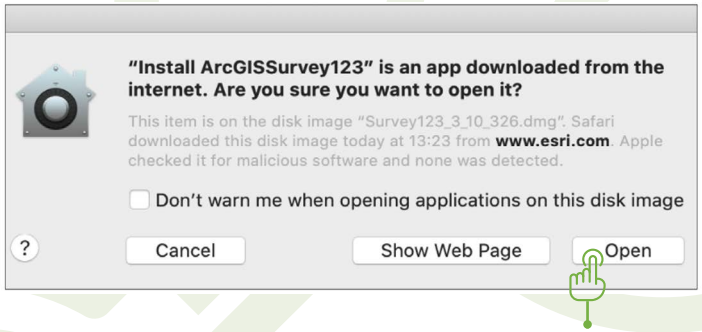

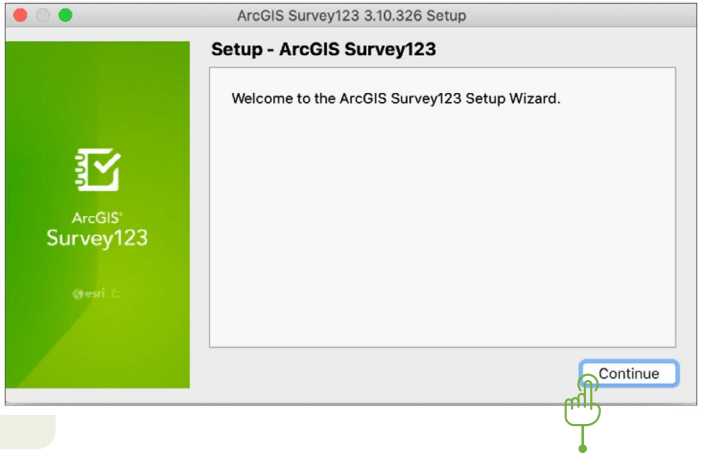

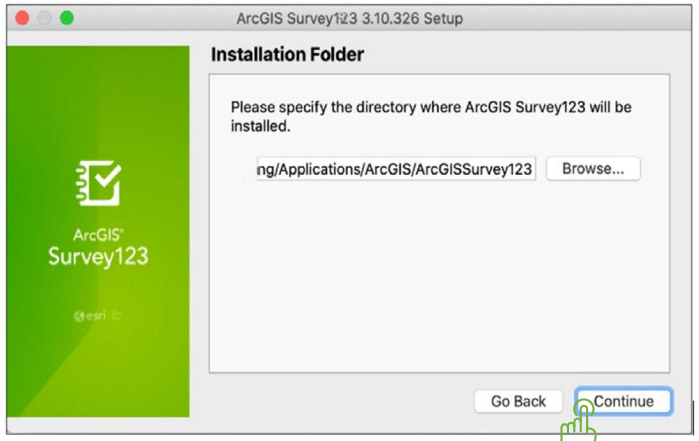

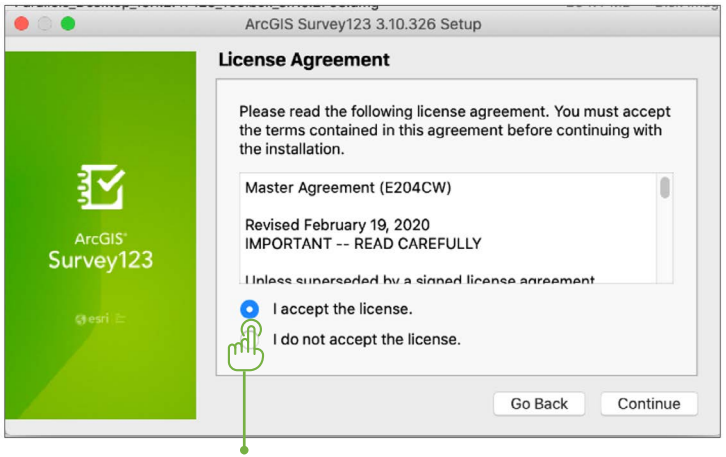

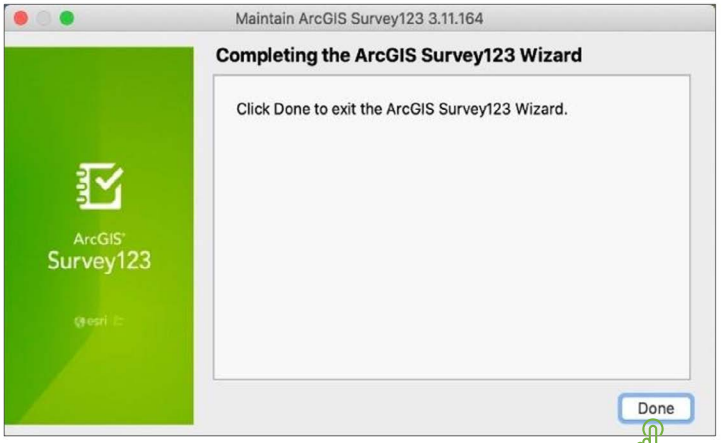

4 Kích “Done” để hoàn tất quá trình cài đặt

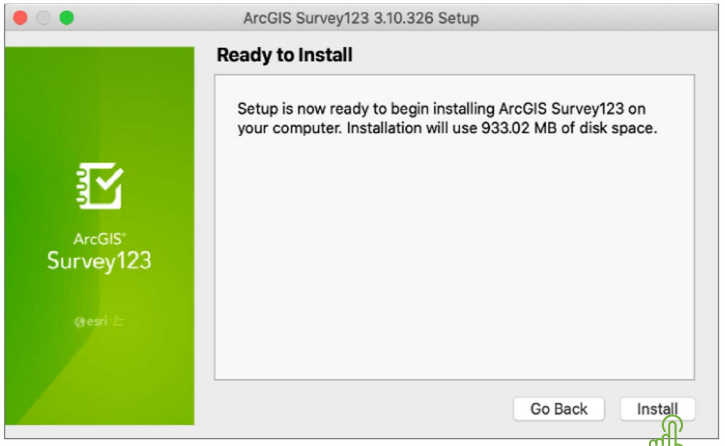

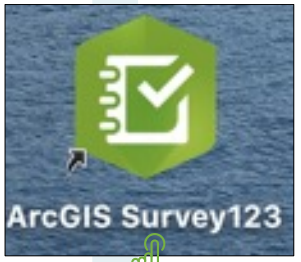

5 Biểu tượng trên desktop

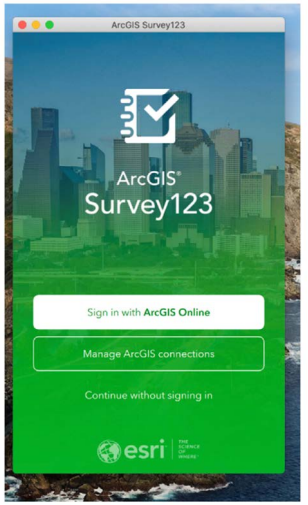

6 Giao diện phần mềm khởi động

3.3 . KẾT CẤU GIAO DIỆN BẢNG HỎI

3.3.1. Giao diện bảng hỏi trên smartphone

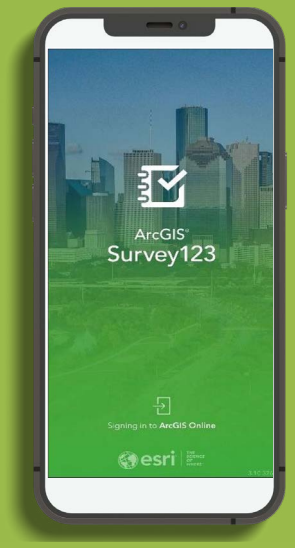

Giao diện đăng nhập

Giao diện thông tin
tài khoản đăng nhập

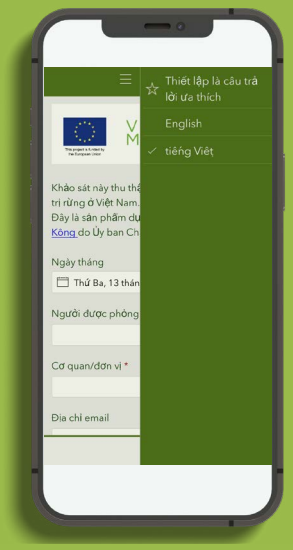

Giao diện thiết lập
ngôn ngữ

Giao diện trả lời
thông tin chung
đối tượng được khảo sát

Giao diện các nhóm đối
tượng/đối tượng phỏng vấn
(xem PL1)

Giao diện các dạng
câu hỏi

Giao diện các dạng câu hỏi

Giao diện các dạng câu hỏi

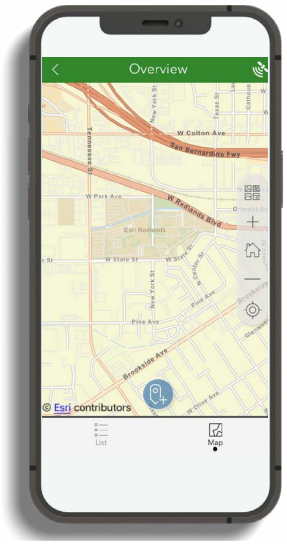

Giao diện định vị vị trí người được khảo sát

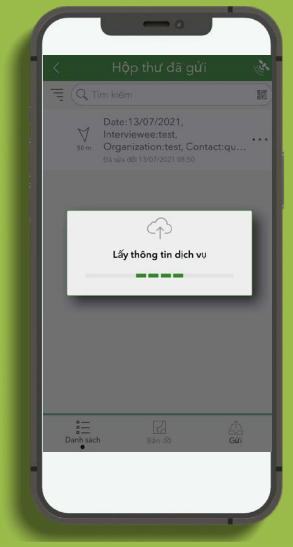

Giao diện đăng nhập

Giao diện hoàn tất bảng hỏi:
Gửi ngay: Gửi đi
Tiếp tục với bảng khảo sát này: Tiếp tục trả lời
Lưu trong hộp thư đi: Lưu trữ

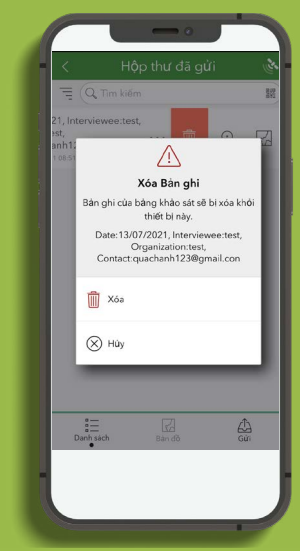

Xóa bảng hỏi chọn **Xoá** hoặc hủy lệnh xóa chọn **Huỷ**

3.3.2. Giao diện trên trình duyệt web và trên máy tính

Link truy cập vào hệ thống bảng hỏi trên trình duyệt web:

https://survey123.arcgis.com/share/12318b0373c1455cb77e8c651cf3f017?

Giao diện khai báo thông tin chung của người tham gia trả lời phỏng vấn

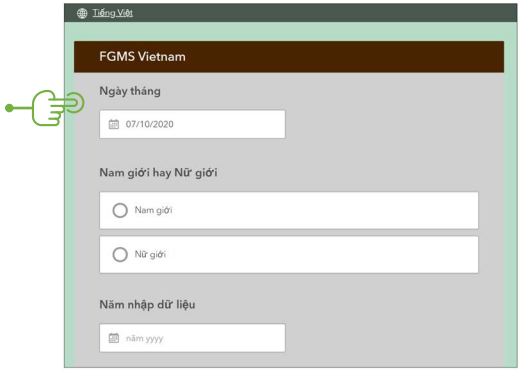

Cài đặt ngôn ngữ cho ứng dụng

- Chuyển đổi ngôn ngữ chọn **Tiếng Việt**
- Để làm lại form trắng và trả lời lại từ đầu chọn: **Thiết lập lại**

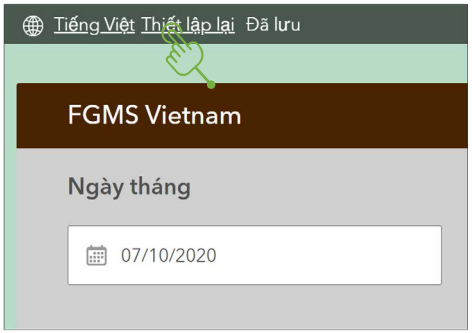

Thực hiện trả lời các câu hỏi của form online bằng cách lựa chọn các mục. Các kiểu lựa chọn như sau:

- Kiểu lựa chọn:

Kiểu lựa chọn duy nhất

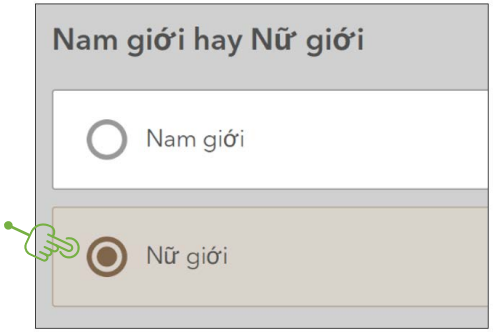

Kiểu lựa chọn có nhiều lựa chọn

Kiểu lựa chọn theo cấp độ

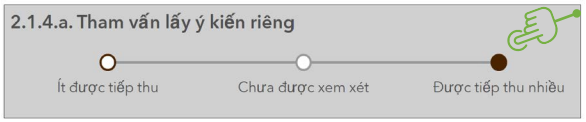

- Kiểu lựa chọn mở rộng mục câu hỏi:

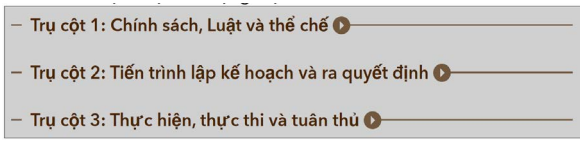

- Kiểu nhập ý kiến.

3.3.3. Hướng dẫn trả lời bảng hỏi và gửi kết quả

Người tham gia sẽ thực hiện trình tự các bước dưới đây để hoàn thiện nội dung bảng hỏi và gửi kết quả.

Khai báo thông tin người tham gia khảo sát:

1 Nhập đầy đủ thông tin

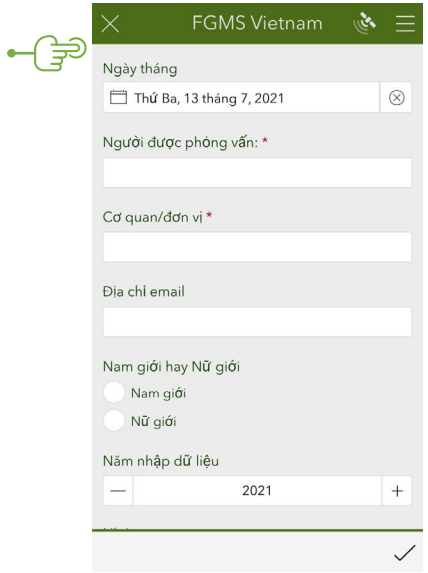

2 Chọn đúng đối tượng

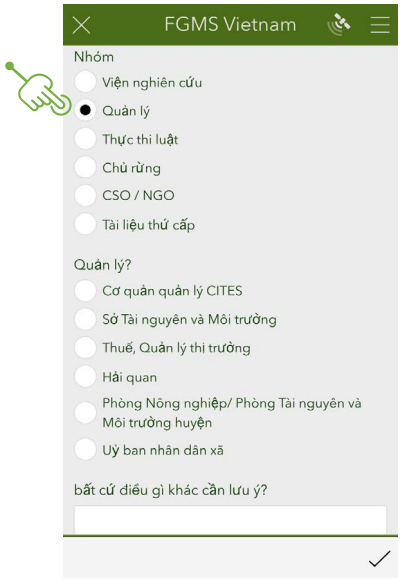

3 Nhấn vào từng nhóm/trụ cột để có câu hỏi để trả lời tương ứng và thực hiện trả lời các câu hỏi

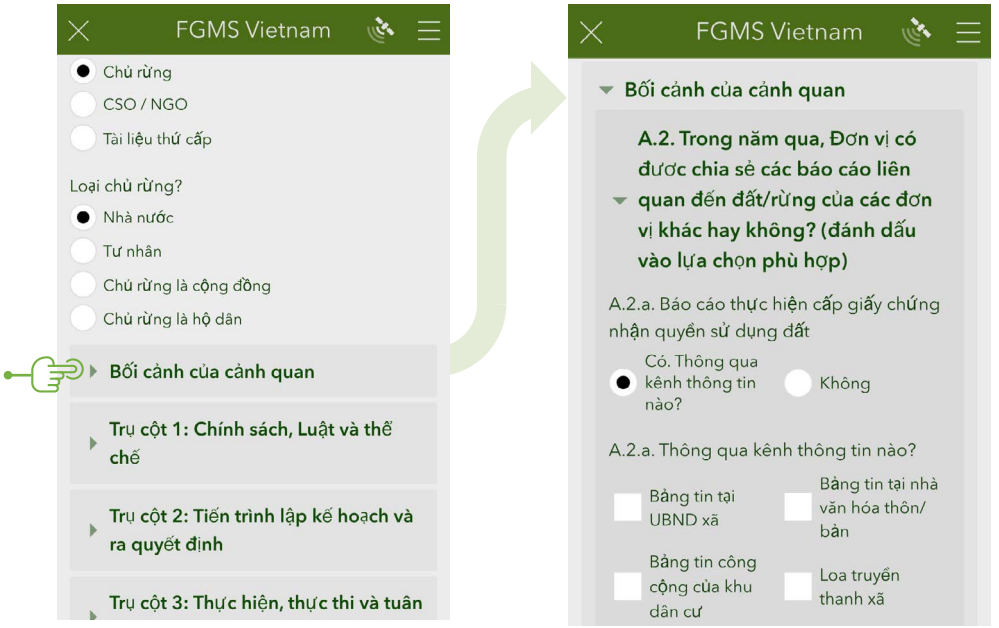

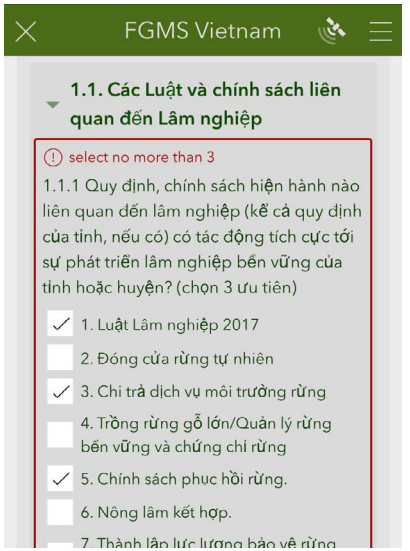

Những câu trả lời sai yêu cầu sẽ có chỉ thị màu đỏ phía bên dưới

Trả lời đúng yêu cầu bằng cách lựa chọn các thông tin

4 Gửi kết quả để hoàn tất quá trình khảo sát

Giao diện trên web máy tính

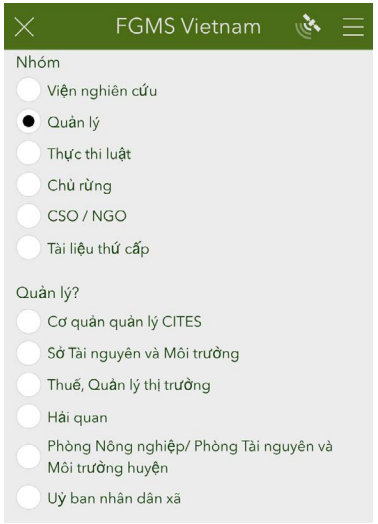

Giao diện trên App điện thoại

Chú ý: Để kết quả bảng khảo sát được chấp thuận và gửi đi, người tham gia trả lời phải:

- Điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu
- Trả lời đầy đủ các câu hỏi
- Cách thức trả lời đúng theo yêu cầu của câu hỏi

3.4. TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ XUẤT KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Link truy cập https://survey123.arcgis.com/snare/12318b0373c1455cb77e8c-651cf3f017/result

Xuất hiện giao diện trên máy tính:

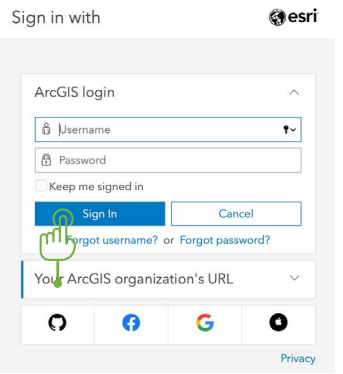

1 Nhập tên Địa chỉ và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống

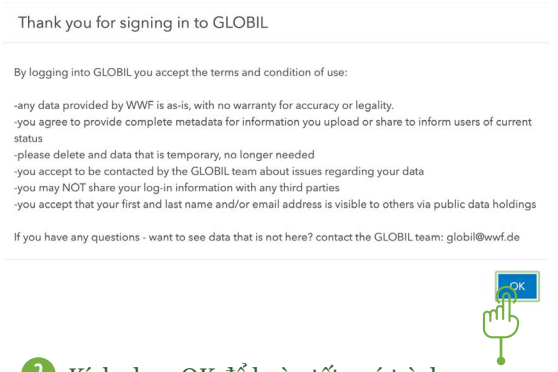

2 Kích chọn OK để hoàn tất quá trình đăng nhập

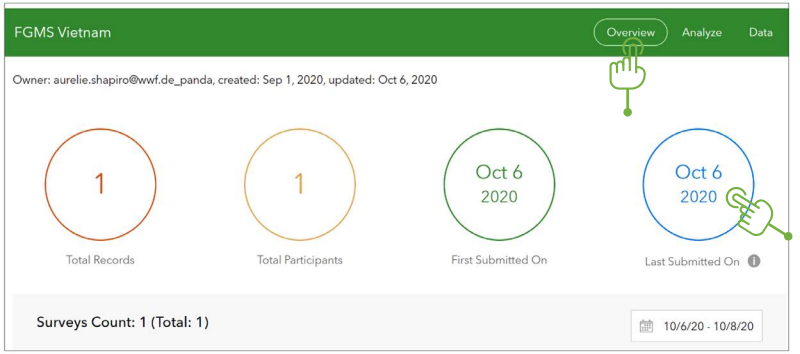

3 Sau khi đăng nhập thành công, trang web tổng hợp và phân tích dữ liệu khảo sát có giao diện như trên

3.4.1. OVERVIEW: Tổng quan kết quả khảo sát

Với lựa chọn này chúng ta có giao diện web trên máy tính như sau:

Total Records
Tổng số các bản khảo sát đã thu được và vị trí trên bản đồ

Total Participants
Tổng số người tham gia khảo sát và vị trí trên bản đồ

First Submitted On
Thể hiện ngày thu được kết quả khảo sát đầu tiên

Last Submitted On
Thể hiện ngày thu được kết quả khảo sát cuối cùng

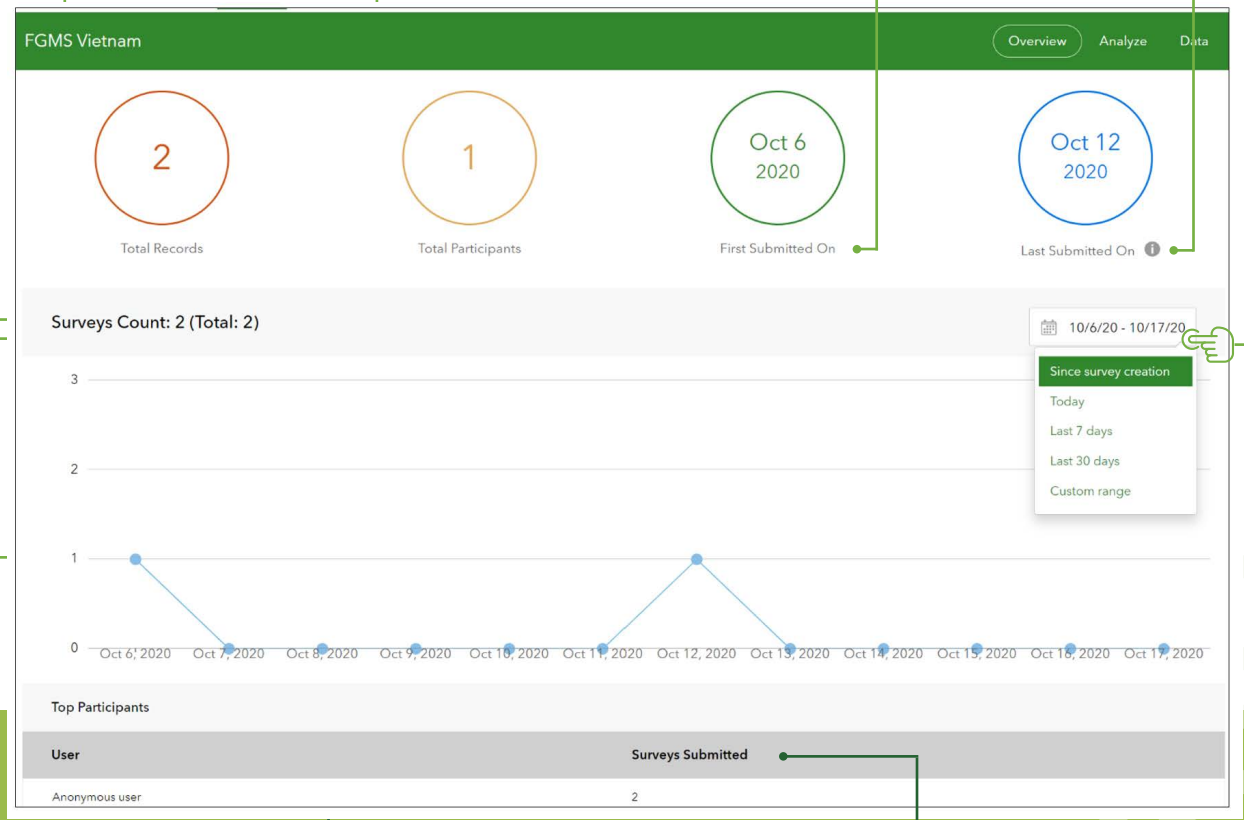

Survey Count
Thể hiện tổng số bảng khảo sát thu thập được

Total
Con số tổng số

Phần đồ thị thể hiện số lượng người cùng tham gia trả lời khảo sát trong ngày tháng năm nào. Cán bộ dự án có thể quan sát số liệu tại đồ thị bằng cách đưa chuột vào các điểm cần lưu tâm.

10/6/20 - 10/17/20
Tại khung này có thể lựa chọn thống kê hiển thị theo ngày hiện tại, 7 ngày, 30 ngày hoặc theo khoảng thời gian cụ thể "Custom range" tuỳ theo nhu cầu của người sử dụng

User
Người sử dụng, người tham gia trả lời khảo sát

Surveys Submitted
Số lượng bảng khảo sát của từng cá nhân tham gia

3.4.2. ANALYSE: Phân tích dữ liệu

Với lựa chọn này chúng ta có giao diện web trên máy tính như sau:

10/6/20-10/17/20
Khung cho lựa chọn thống kê hiển thị theo ngày hiện tại, 7 ngày, 30 ngày hoặc theo khoảng thời gian cụ thể "Custom range"

Filter
Chức năng lọc kết quả khảo sát theo điều kiện ngày tháng. Chọn bánh răng cưa ⚙ để bật tắt áp dụng điều kiện cho các thống kê khác.

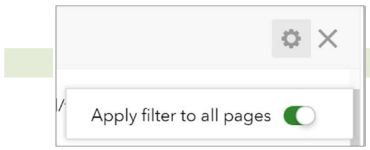

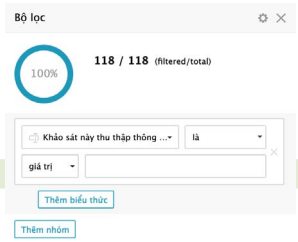

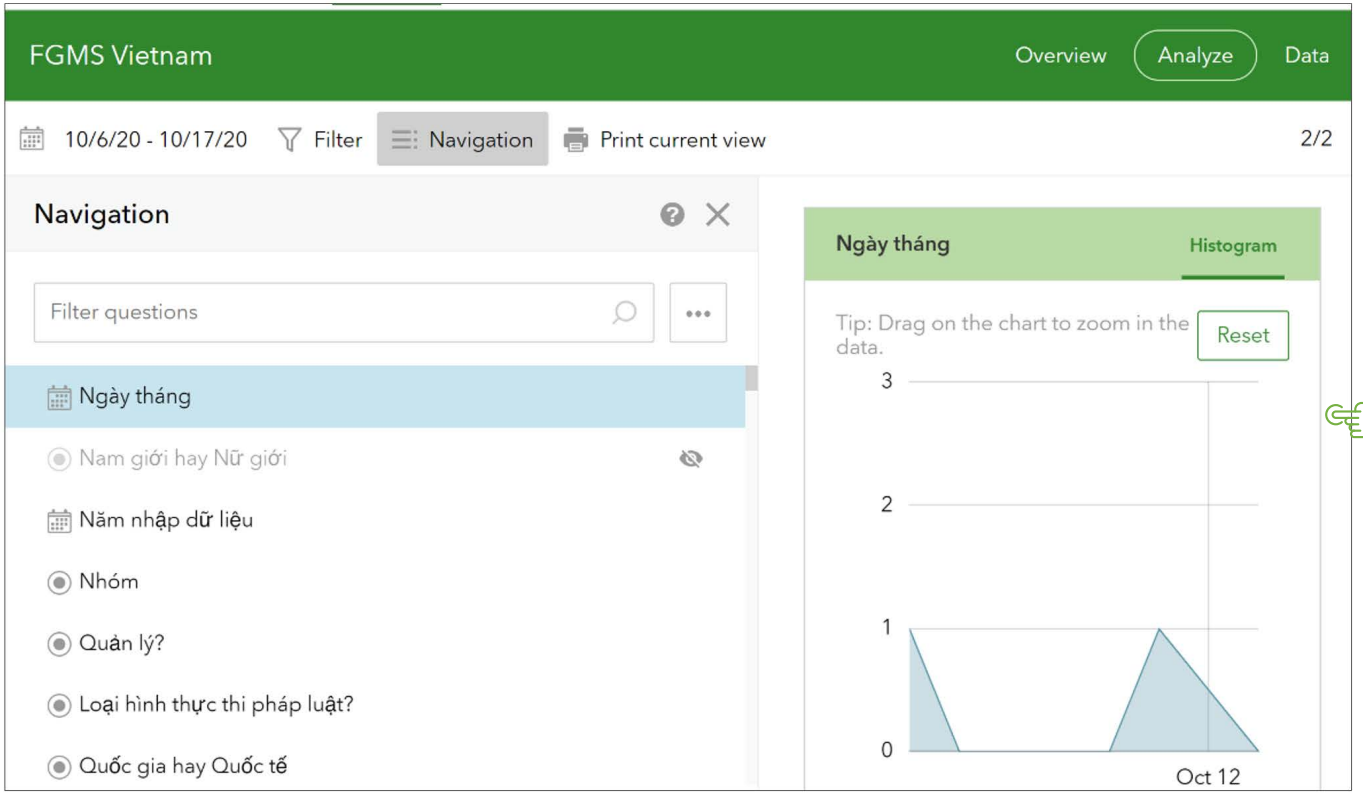

Navigation
Chức năng điều hướng và lọc theo từng chủ đề hoặc từng lĩnh vực khảo sát. Chức năng cho tổng kết báo cáo - lọc và hiển thị nội dung theo từng chủ đề báo cáo như sau

Lựa chọn các chủ đề: Nhóm, Quản lý, loại hình thực thi pháp luật, Quốc gia hay Quốc tế, chủ rừng, các trụ cột hỏi... để có kết quả tổng hợp

Tương ứng với mỗi chủ đề, phần mềm sẽ tự động tổng hợp phân tích kết quả hiển thị phía bên phải theo Biểu đồ:

- **Column**: biểu đồ dạng cột đứng
- **Bar**: biểu đồ dạng thanh ngang
- **Pie**: biểu đồ dạng hình tròn tỷ lệ
- **Map**: bản đồ vị trí đã thu thập kết quả khảo sát

Một số biểu đồ và kết quả tổng hợp đại diện

Biểu đồ và bảng số liệu thể hiện năm có kết quả khảo sát

Câu trả lời	Số lượng	Phần trăm
Viện nghiên cứu	2	1,69%
Quản lý	21	17,8%
Thực thi luật	10	8,47%
Chủ rừng	80	67,8%
CSO / NGO	4	3,39%
Tài liệu thứ cấp	0	0%

Kết quả khảo sát theo nhóm

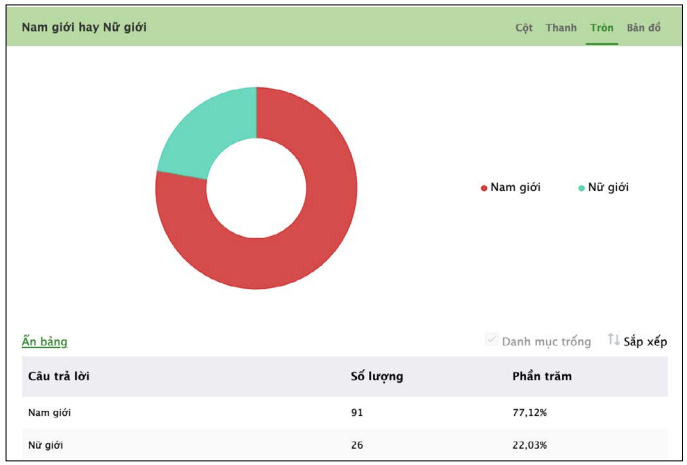

Câu trả lời	Số lượng	Phần trăm
Nam giới	91	77,12%
Nữ giới	26	22,03%

Kết quả khảo sát ở dạng hình tròn tỷ lệ

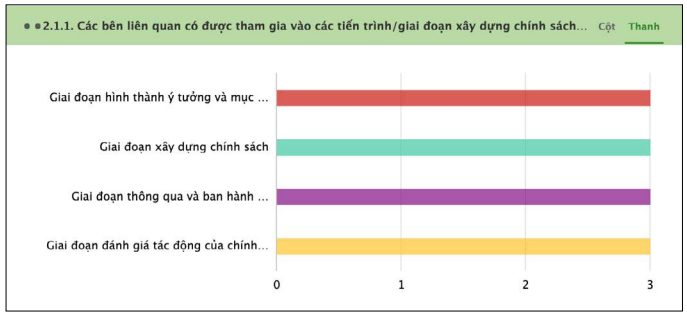

Trụ cột 2: Kết quả khảo sát ở dạng biểu đồ thanh ngang

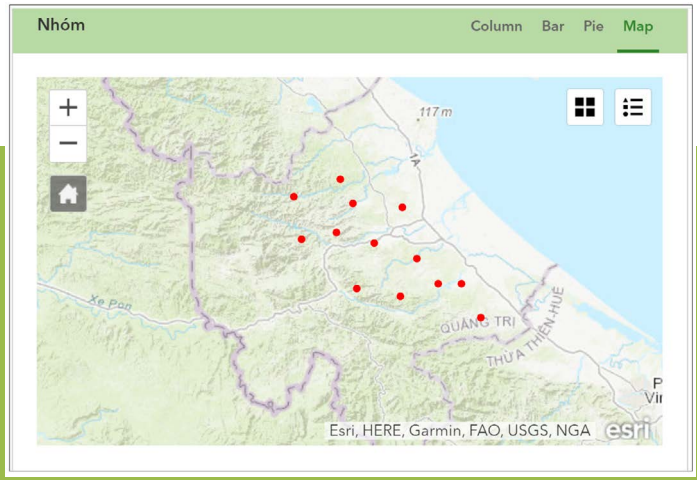

Bản đồ thể hiện vị trí nhóm tham gia trả lời khảo sát

3.4.3. DATA: Khai thác Dữ liệu và bản đồ trực tuyến

Giao diện web trên máy tính như sau:

Selected records only
Bật tắt chức năng truy vấn đến những bản ghi (Form đã điền thông tin trả lời) được lựa chọn

CSV, Excel
Định dạng dữ liệu có thể xử lý trên phần mềm Excel

CSV, KML, Shapefile, File Geodatabase
Định dạng có thể xử lý trên các phần mềm GIS

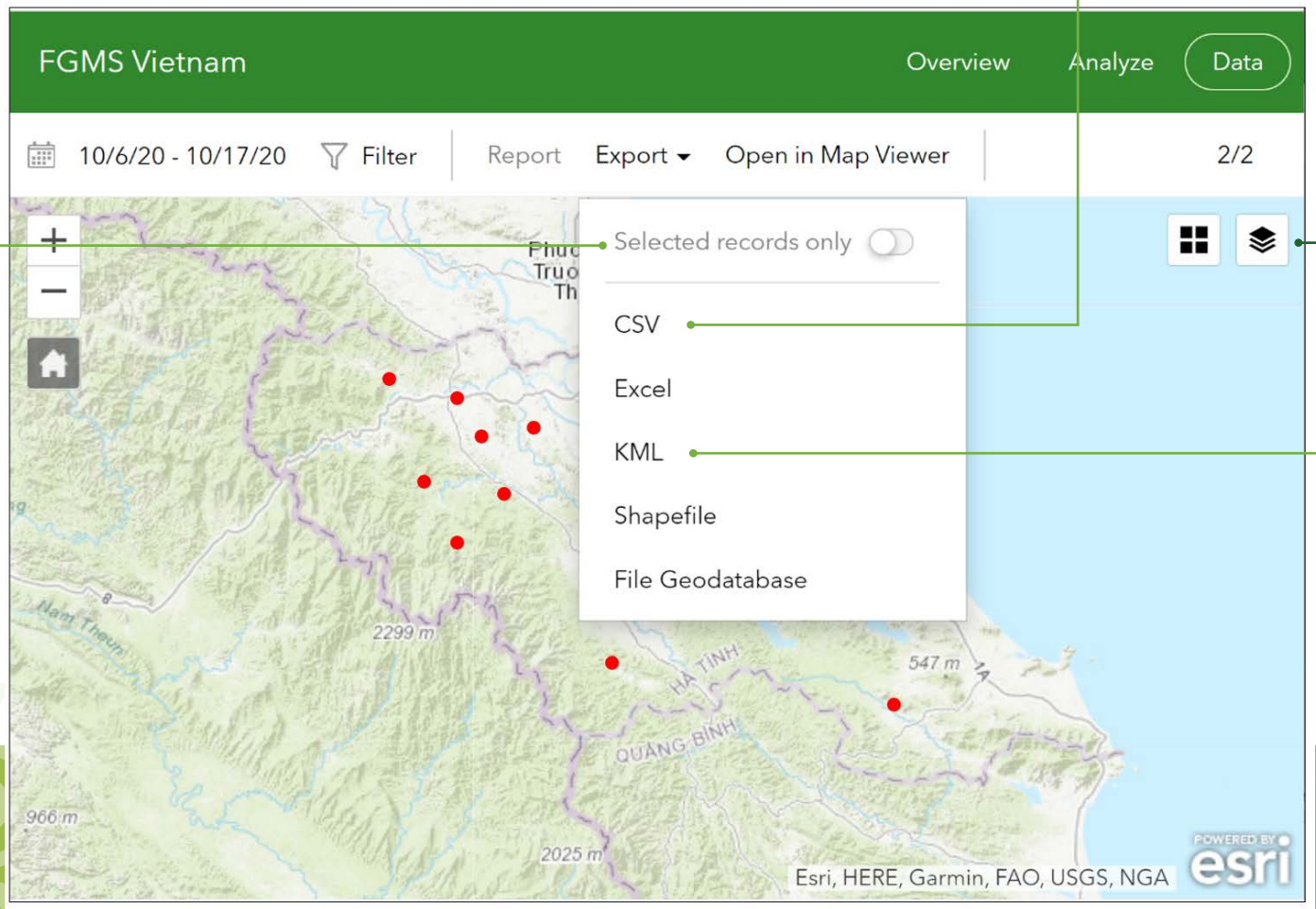

Chức năng bật tắt, thêm bớt lớp bản đồ cơ sở hiển thị vị trí khảo sát

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BNNPTNT, 2019. *Hiệp định VPA/FLEGT chính thức có hiệu lực từ 01/6/2019*. Trang thông tin điện tử của Bộ NNPTNT.

2. Marjo Maidell, Emelyne Cheney and Ewald Rametsteiner, 2012. *A common framework to assess and monitor forest governance*. ETFRN News, 53, April 2012.

3. MT, 2020. *Hội thảo đánh giá 10 năm tác động của PFES tại Việt Nam*. Trang thông tin điện tử của Bảo vệ Môi trường Việt Nam.

4. Phan Triều Giang, 2014. *Quản trị rừng và vai trò của các tổ chức phi chính phủ và dân sự*. Trung tâm Con người và Thiên nhiên (PanNature), 28.11.2014.

5. RECOFTC, 2018. *Đánh giá quản trị rừng ở Việt Nam- Xác định các thách thức và biện pháp can thiệp chính nhằm tăng cường quản trị*. RECOFTC, 5/2018, Bangkok, Thái Lan.

6. VFMF, 2020. B*ảng hỏi phỏng vấn Hệ thống giám sát Quản trị rừng*. WWF Việt Nam, PanNature và RECOFTC, 2020.

7. WB, 2020. *Việt Nam và Ngân hàng Thế giới Ký kết Thỏa thuận Cắt giảm Phát thải Carbon và Giảm phá rừng*. Trang thông tin điện tử của Ngân hàng thế giới (WB).

8. WWF Việt Nam, 2020. *Ứng dụng Hệ thống giám sát quản trị rừng (FGMS) Việt Nam*.

9. https://survey123.arcgis.com/share/12318b0373c1455cb77e8c651cf3f017

PHỤ LỤC 1

TT	Nhóm đối tượng	Đối tượng cụ thể
1	Viện nghiên cứu	Viện nghiên cứu A,B,C. Ví dụ: Viện Khoa học Lâm nghiệp; Viện Nghiên cứu Lâm sinh,...
2	Quản lý	- Cơ quan Quản lý CITES - Sở Tài nguyên và Môi trường - Thuế, Quản lý thị trường - Hải quan - Phòng Nông nghiệp/Tài nguyên và Môi trường huyện - Uỷ ban nhân dân Huyện/xã - Trưởng thôn
3	Thực thi luật	- Chuyên viên hoặc Thanh tra Sở Nông nghiệp - Sở NN & PTNT; Chi cục Kiểm lâm - Quỹ bảo vệ và phát triển rừng - Hạt Kiểm lâm - Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách
4	Chủ rừng	- Nhà nước - Tư nhân - Chủ rừng là cộng đồng - Chủ rừng là hộ dân
5	CSO/NGO	- Tổ chức phi chính phủ; Xã hội dân sự - Hợp tác xã (Hợp tác xã Nông nghiệp/Lâm nghiệp)
6	Tài liệu thứ cấp, bao gồm: Bản đồ, Báo cáo, Quyết định, Hợp đồng,....	

PHỤ LỤC 2

Mẫu phiếu thu thập thông tin thứ cấp

A. Hiện trạng hoặc thay đổi cảnh quan

A.1. Thay đổi về hiện trạng rừng trên địa bàn các huyện mục tiêu

A.1.1. Thay đổi diện tích rừng trên địa bàn **địa phương** năm năm đánh giá (năm thứ n)

Nguồn dữ liệu: CCKL, Sở TN&MT

Phân loại rừng	Năm (n-1) (Đến 31/12)	Năm thứ n (đến 31/12)	Tăng/giảm
Tổng diện tích có rừng			
1. Rừng phân theo nguồn gốc			
Rừng tự nhiên			
Rừng trồng			
2. Rừng phân theo mục đích sử dụng			
Rừng đặc dụng			
Rừng phòng hộ			
Rừng sản xuất			
3. Phân theo chủ thể quản lý			
Ban quản lý RĐD + RPH			
Tổ chức kinh tế			
Lực lượng vũ trang			
Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục			
Hộ gia đình, cá nhân			
Cộng đồng dân cư			
Doanh nghiệp FDI			
UBND xã (tạm quản lý)			

A.1.3. Thay đổi diện tích cao su trên địa bàn **huyện** trong năm đánh giá (năm thứ n)

Nguồn dữ liệu: Sở TN&MT

Diện tích	Năm (n-1) (Đến 31/12)	Năm n (đến 31/12)	Tăng/giảm
Tổng diện tích cao su			
Công ty/doanh nghiệp			
Hộ gia đình			

A.2: Thay đổi về hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn các chuyện mục tiêu

A.2.1-2-4. Thống kê diện tích đất lâm nghiệp chuyển đổi trong năm đánh giá

Nguồn dữ liệu: CCKL, Sở TN&MT

Lý do chuyển đổi	Tổng DT chuyển đổi	Trong đó						
		Theo nguồn gốc		Theo chức năng			Loại đất rừng	
		Rừng tự nhiên	Rừng trồng	RĐD	RPH	RSX	Có rừng	Không có rừng
Chuyển đổi hợp pháp								
Chuyển đổi bất hợp pháp								
Tổng								

A.2.3. Kết quả thực hiện trồng rừng thay thế (TRTT)

Nguồn dữ liệu: CCKL, Quỹ BVPTR, Chủ rừng

Trong **năm đánh giá**, địa phương có thực hiện trồng rừng thay thế hay không?

a. Có b. Không

Nếu **Có,** anh/chị vui lòng cho biết:

Huyện	Diện tích phải TRTT	DT thực hiện TRTT	Tỉ lệ sống	Loài cây trồng

A.3. Mức độ tuân thủ thực hiện các chủ trương, chính sách của nhà nước về QLBVR và sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh (dừng khai thác, chuyển đổi RTN; quản lý sử dụng đất của công ty lâm nghiệp)

A.3.1. Để thực hiện các chính sách QLBVR, tỉnh/huyện đã ban hành các văn bản cụ thể nào?

Nguồn dữ liệu: Kiểm lâm, Sở/phòng NN&PTNT, HĐND, Sở/phòng TNMT

Chủ đề	Văn bản cụ thể
Dừng khai thác gỗ RTN	
Dừng chuyển đổi đất RTN	
Tái cơ cấu các công ty lâm nghiệp	
Khuyến khích phát triển dược liệu dưới tán rừng	
Khai thác, buôn bán ĐVHD và lâm sản trái phép	
Phát triển rừng trồng và chế biến lâm sản	
Chi trả DVMTR	
Phục hồi rừng tự nhiên	

A.3.2. Số lượng chủ rừng không tuân thủ các chủ trương chính sách, kế hoạch, quyết định của tỉnh trong năm đánh giá:

Nguồn dữ liệu: Báo cáo CCKL, Quỹ BVPTR, Hạt KL

Loại vi phạm		Chủ rừng							
		BQL RĐD + RPH	Tổ chức kinh tế	Lực lượng vũ trang	Tổ chức KHCN	Hộ gia đình, cá nhân	Cộng đồng dân cư	Doanh nghiệp FDI	UBND xã (tạm quản lý)
Tổng số chủ rừng									
Khai thác RTN	Số vi phạm								
	Diện tích vi phạm								
Chuyển đổi MĐSD rừng tự nhiên	Số vi phạm								
	Diện tích vi phạm								

A.3.3. Kết quả thực hiện tái cơ cấu đất lâm nghiệp tại các công ty nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện trong năm đánh giá và kế hoạch năm tiếp theo

Nguồn dữ liệu: CCKL

Số CTLN cần tái cơ cấu	Sắp xếp lao động	Diện tích thu hồi	Kế hoạch giao đất tái cơ cấu (tới năm đánh giá)				Kết quả thực hiện (tới năm đánh giá)				Kế hoạch (tới năm kế hoạch)				Thời gian dự kiến hoàn thành
			Hộ gia đình	Giao cộng đồng	Giao công ty/tổ chức	UBND xã tạm quản lý	Hộ gia đình	Giao cộng đồng	Giao công ty/tổ chức	UBND xã tạm quản lý	Hộ gia đình	Giao cộng đồng	Giao công ty/tổ chức	UBND xã tạm quản lý	

Các khó khăn, thách thức khi thực hiện tái cơ cấu các CTLN:

……

……

……

A.4 Mức độ tổ chức thực hiện chức năng giám sát đất và rừng của các bên liên quan chính

Tiêu chí C: Nỗ lực/hành động đảm bảo sự bền vững cảnh quan

C.1: Kiểm soát, ngăn chặn gỗ lậu và đảm bảo tính toàn vẹn của rừng tự nhiên # giám sát luồng gỗ lậu từ RTN/cảnh quan đi vào sản xuất, thị trường (ngoài nước, trong nước)

C.1.2. Kết quả thực hiện ngăn chặn khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản (bao gồm động vật hoang dã) trái phép trên địa bàn trong năm vừa qua

1) Đối cơ quan chức năng và chủ rừng

Nguồn dữ liệu: CCKL, Công an, hải quan, quân đội

Loại hình vi phạm	Năm trước				Năm nay			
	Số vụ vi phạm	Số vụ vi phạm xuyên biên giới	Tang vật	Khối lượng/số lượng	Số vụ vi phạm	Số vụ vi phạm xuyên biên giới	Tang vật	Khối lượng/số lượng
Khai thác gỗ và lâm sản trái phép								
Mua bán gỗ và lâm sản trái phép								
Tàng trữ gỗ và lâm sản trái phép								
Vận chuyển gỗ và lâm sản trái phép								
Sử dụng gỗ và lâm sản trái phép								

C.2: Thúc đẩy phát triển kinh doanh rừng trồng và cao su bền vững

C.2.2. Kết quả thực hiện phát triển rừng trồng/cao su bền vững đến hết **năm đánh giá** so với chỉ tiêu/quy hoạch đến **năm cuối kế hoạch** của huyện, xã hoặc công ty

Huyện/xã	DT quy hoạch QLRBV* đến **năm cuối kế hoạch**	DT đã được cấp chứng chỉ	Trong đó								DT đang xây dựng PA QLRBV
			Theo chủ rừng						Theo loại rừng		
			BQL RDD/PH	Hộ gia đình	Cộng đồng	LLVT	Công ty LN	Tổ chức kinh tế	Rừng trồng	Cao su	

C.3: Đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng cho cộng đồng địa phương sống dựa vào rừng

C.3.1. Diện tích đất rừng tại địa phương phân theo chủ thể quản lý

Nguồn dữ liệu: UBND xã, Sở/phòng TNMT, Sở/phòng NN&PTNT

Xã	Diện tích rừng	Tổ chức nhà nước	Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế	Cộng đồng	Hộ gia đình	UBND xã (tạm giao)	Khác

C.3.2-3. Diện tích khoán bảo vệ rừng (BVR) của các chủ rừng

Nguồn dữ liệu: Chủ rừng, UBND xã, Quỹ BVPTR

Xã	Diện tích khoán cho hộ gia đình của các chủ rừng				Tổng số hộ thuộc các thôn giáp ranh/ vùng đệm	Số hộ được giao khoán BVR	Trong đó
	BQL RĐD	BQL RPH	Công ty Lâm nghiệp	UBND xã (tạm giao)			Số hộ nghèo

C.3.8-9. Hiện trạng quản lý rừng tạm giao cho UBND xã

Nguồn dữ liệu: UBND xã, CCKL, Quỹ BVPTR

Xã	DT rừng UBND xã quản lý	Trong đó				
		Khoán BVR		Diện tích cho thuê	UBND xã tự quản lý	
		Diện tích khoán	Đối tượng nhận khoán (hộ/nhóm hộ/cộng đồng)		DT tự quản lý	Cách tổ chức bảo vệ

C.3.10. Chia sẻ lợi ích từ rừng tạm giao cho UBND xã

Nguồn dữ liệu: UBND xã, CCKL, Quỹ BVPTR

Xã	Kinh phí thu được từ rừng tạm giao UBND xã	Trong đó, tỉ lệ chi cho các hoạt động					
		Tuần tra BVR	Xây dựng công trình phúc lợi	Hỗ trợ cây/con	Quỹ phát triển thôn bản	Hoạt động tuyên truyền	Chi khác

C.3.12. Hiện trạng Rừng cộng đồng quản lý

Nguồn dữ liệu: CCKL, Sở/phòng TNMT

Tên khu rừng	Diện tích	Theo chức năng			Theo nguồn gốc		Nguồn gốc hình thành (từ xa xưa, từ dự án giao rừng, v.v)	DT có GCNQSD đất	Mục đích sử dụng của cộng đồng
		RPH	RĐD	RSX	Rừng tự nhiên	Rừng trồng			

D. Sự tham gia của CSO/NGOs và báo chí – chức năng giám sát độc lập

D.1.1. Mức độ phản ánh của báo chí về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và sử dụng đất lâm nghiệp tại khu vực cảnh quan trong **năm đánh giá**

Nội dung	Số lượng tin bài	Phản hồi của cơ quan chức năng
Buôn bán vận chuyển trái phép gỗ và lâm sản		
Quyền cộng đồng đối với rừng và đất rừng		
Khai thác gỗ trái phép		
Chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng trái phép		
Cháy rừng		
Bảo vệ phát triển rừng		
Phục hồi cảnh quan		
Quản lý rừng bền vững		

PHỤ LỤC 3

Nội dung bảng hỏi của Hệ thống giám sát quản trị rừng

Mã	Nội dung bảng hỏi					Đối tượng phỏng vấn
A	**Hiện trạng hoặc thay đổi cảnh quan**					
A.1.	**Thay đổi về hiện trạng rừng trên địa bàn các huyện mục tiêu**					
A.1.2.	Thay đổi chất lượng rừng tự nhiên trên địa bàn **huyện**					- Phỏng vấn hộ gia đình (nhóm hộ giao khoán) - Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách
	*So với năm qua, anh/chị nhận thấy sự thay đổi của rừng tự nhiên trên địa bàn **huyện** như thế nào? (Đánh dấu x vào lựa chọn phù hợp)*					
	Chỉ số	**Mức độ thay đổi**				
		Nhiều hơn	Không thay đổi	Ít hơn	Không biết	Không quan tâm
	Cây gỗ lớn					
	Động vật rừng					
	Cây thuốc					
	LSNG					
1.2.1 Q2	*Các quyền của chủ rừng (Theo Điều 73, Luật Lâm nghiệp 2017) có được hưởng hay không? Lựa chọn nhiều hơn một gợi ý*					- Xem xét tài liệu thứ cấp (báo cáo, biên bản xử lý tranh chấp,..) - Phỏng vấn chủ rừng
	Các quyền			Có hay chưa	Chưa áp dụng tại địa bàn	
	Được công nhận quyền sử dụng, sở hữu					
	Được hưởng lâm sản tăng thêm từ rừng do tự đầu tư vào rừng tự nhiên, rừng trồng là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ .					
	Được sử dụng rừng phù hợp với thời hạn giao					
	Được hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng					
	Được hướng dẫn về kỹ thuật và hỗ trợ khác					
	Được bồi thường khi thu hồi					
	Được hỗ trợ kinh phí khi bị thiên tai					
	Được hợp tác, liên kết					

1.2.2	**Quyền truyền thống của người dân và cộng đồng địa phương đối với đất rừng và tài nguyên rừng có được tôn trọng hay không?**				- Hộ dân. - BQL RPH, RĐD. - UBND xã
	Có Không				
	Nếu có thì thông qua hình thức nào?..... …… ……				
A.4.1.	*Trong năm qua, Đơn vị có đượcc chia sẻ các báo cáo dưới đây không? (đánh dấu x vào lựa chọn phù hợp)*				- Phỏng vấn chuyên viên Sở NN&PTNT - Phỏng vấn chuyên viên Sở TNMT - Phỏng vấn Chi cục Kiểm lâm - Phỏng vấn chuyên viên UBND huyện + Hội đồng nhân dân - Phỏng vấn chuyên viên Quỹ BV&PTR - Phỏng vấn chủ rừng nhà nước
	Loại báo cáo	Có	Không	Hình thức chia sẻ: trên trang web, gửi văn bản, chia sẻ tại các cuộc hội họp, chia sẻ theo yêu cầu, khác...	
	Báo cáo thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				
	Báo cáo kết quả thanh tra đất đai				
	Bản đồ hiện trạng rừng				
	Bản đồ hiện trạng đất đai				
	Báo cáo của Quỹ BVPTR về kết quả chi trả DVMTR				
	Báo cáo của HĐND về thực hiện và giám sát thực hiện các chính sách lâm nghiệp, kết quả tiếp xúc cử tri				
	Báo cáo kết quả thực hiện công tác QLBVR				
B	**Mức độ can thiệp/tham gia của các bên liên quan**				
3.3.2 Q1:	*Việc thực hiện các công ước/ cam kết quốc tế mang lại hiệu quả như thế nào tới sự thay đổi quản trị, việc cải thiện hệ thống chính sách pháp luật lâm nghiệp và thực thi, công khai thông tin, giám sát thực thi, hợp tác quốc tế/liên ngành? Giải thích.*				- Phỏng vấn Cơ quan quản lý CITES - Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ (ví dụ: WWF, IUCN, TRAFFIC, WCS, SRD). - Trường/Viện nghiên cứu
	Các cam kết mà Việt Nam đã ký		**Hiệu quả**	**Không hiệu quả**	**Không biết**
	Công ước CITES (Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp)				

	Công ước CBD (Công ước về đa dạng sinh học)				
	Công ước UNCCD (Công ước Chống sa mạc hoá của Liên Hợp Quốc)				
	Hiệp định VPA FLEGT (Hiệp định Đối tác tự nguyện về Thực thi luật lâm nghiệp, quản trị rừng và thương mại lâm sản)				
	Hiệp định EVFTA (Thương mại tự do Việt Nam - châu Âu)				
	Cam kết quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thực hiện NDC				
	Khác (nêu rõ)				
B.2	**Tác động của quy hoạch và kế hoạch, quyết định cấp tỉnh, huyện (làm thay đổi hiện trạng cảnh quan)**				
1.1.1 Q1.	*Quy định, chính sách hiện hành nào liên quan đến lâm nghiệp (kể cả quy định của tỉnh, nếu có) có tác động tích cực tới sự phát triển lâm nghiệp bền vững của tỉnh hoặc huyện? (chọn 3 ưu tiên).*				'- Phỏng vấn chuyên gia phòng pháp chế lâm nghiệp của Sở NN&PTNT - Phỏng vấn chủ rừng (các Ban quản lý, Công ty lâm nghiệp, ...) - Xem xét tài liệu thứ cấp - Trường/Viện nghiên cứu - Chi cục Kiểm lâm - Đại diện nhóm cộng đồng (trưởng thôn) - UBND xã
	Chính sách		**Lựa chọn**	**Giải thích**	
	Luật Lâm nghiệp 2017				
	Đóng cửa rừng tự nhiên				
	Chi trả dịch vụ môi trường rừng				
	Trồng rừng gỗ lớn/QLRBV và chứng chỉ rừng				
	Chính sách phục hồi rừng				
	Nông lâm kết hợp				
	Thành lập lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách				
	Tái cơ cấu lực lượng kiểm lâm				
	Chính sách tái định cư				
	Chính sách phát triển du lịch sinh thái				
	Chính sách cho người DTTS				
	Ý kiến khác (nếu có cần nêu cụ thể là gì)				
1.3.3 Q1:	*Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phù hợp hay chưa phù hợp với những ưu tiên và mục tiêu của chính sách lâm nghiệp tỉnh như thế nào?*				- Phỏng vấn CCKL - BQL Rừng phòng hộ - Sở TNMT
	Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phù hợp hay mâu thuẫn với	**Phù hợp**	**Chưa phù hợp**	**Giải thích**	
	Hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp				
	Nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp				
	Mục tiêu lâm nghiệp				
	Chính sách lâm nghiệp				
1.3.3 Q2:	*Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp hay chưa phù hợp với những ưu tiên và mục tiêu của chính sách lâm nghiệp huyện như thế nào?*				- Phỏng vấn chuyên viên Phòng NNPTNT huyện - Phỏng vấn chủ rừng - Phòng TNMT - UBND xã
	Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp hay mâu thuẫn với		**Phù hợp**	**Chưa phù hợp**	**Giải thích**
	Hiện trạng sử dụng đất lâm nghiệp				
	Nhu cầu sử dụng đất lâm nghiệp				
	Mục tiêu lâm nghiệp				
	Chính sách lâm nghiệp				
B.2.5.	**Rà soát, công khai các điểm nóng về phá rừng, mất rừng trên địa bàn tỉnh/huyện**				
Q2	*Đối với cộng đồng:* *Anh/chị có biết những điểm nóng về phá rừng và mất rừng (phá rừng, khai thác gỗ trái phép, v.v.) tại địa phương trong năm 2019 không?*				- Phỏng vấn cộng đồng - BQL rừng cộng đồng
	a. Có b. Không Nếu Có hãy cho biết: (i) Số vụ vi phạm phát hiện, nêu rõ: .... (ii) Khi phát hiện vi phạm, anh/chị báo cho đơn vị chức năng nào? .... (iii) Các vi phạm có được xử lý thỏa đáng không?				
	a. Có b. Không				
B.2.7	*Trong năm qua, việc phát triển hay tiêu thụ loại mặt hàng nông, lâm sản nào sau đây tác động đến quản lý sử dụng rừng và đất rừng bền vững tại địa phương? (đánh dấu (x) vào lựa chọn phù hợp)*				- Phỏng vấn Hạt Kiểm lâm - Phỏng vấn UBND xã - Phỏng vấn Chủ rừng tổ chức
	Mặt hàng	Tích cực	Không tác động	Tiêu cực	Không biết
	Gỗ được cấp chứng chỉ				
	Nông sản hữu cơ				
	Dược liệu				
	Lâm sản ngoài gỗ (theo đường tiểu ngạch)				

Tiêu chí C:	**Nỗ lực/hành động đảm bảo sự bền vững cảnh quan**					
C.1.	**Kiểm soát, ngăn chặn gỗ lậu và đảm bảo tính toàn vẹn của rừng tự nhiên, giám sát luồng gỗ lậu từ RTN/cảnh quan đi vào sản xuất, thị trường (ngoài nước, trong nước)**					
C.1.1.	*Các chính sách và hành động để theo dõi, kiểm soát và ngăn chặn hoạt động khai thác và vận chuyển gỗ, lâm sản bất hợp pháp tại địa phương trong năm qua (chọn 3 ưu tiên)*					- Phỏng vấn Chi cục kiểm lâm - Phỏng vấn UBND huyện - Hạt KL - Phỏng vấn UBND xã - Phỏng vấn Chủ rừng tổ chức - Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách
	Nhóm chính sách/hành động				Có	Không
	Ban hành phương án, kế hoạch kiểm soát và ngăn chặn khai thác vận chuyển gỗ và lâm sản bất hợp pháp (VD: VNTLAS)					
	Văn bản hướng dẫn thực hiện VNTLAS					
	Tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức					
	Đầu tư trang thiết bị, phương tiện cho lực lượng chức năng					
	Thiết lập cơ chế hợp tác, cam kết đối với doanh nghiệp					
	Huy động nguồn lực thực hiện					
	Xử lý vi phạm					
	Hỗ trợ, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng					
	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống báo cáo, đánh giá, giám sát					
	Thành lập lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách					
	Khác (cụ thể):……					
4.2	*Trong năm vừa qua, tại địa bàn tình trạng tiêu thụ gỗ và động vật hoang dã diễn ra như thế nào?*					- Hộ dân, đại diện cộng đồng. - UBND xã
	Mặt hàng	**Tăng lên**	**Giảm đi**	**Không thay đổi**	**Không biết**	
	Gỗ					
	Động vật hoang dã					
C.1.2.	*Kết quả thực hiện ngăn chặn khai thác, vận chuyển gỗ và lâm sản (bao gồm động vật hoang dã) trái phép trên địa bàn trong năm 2019*					- Cộng đồng - UBND xã - Hộ gia đình

	Anh chị đánh giá thế nào về kết quả thực hiện kiểm soát, ngăn chặn khai thác, vận chuyển gỗ trái phép trên địa bàn trong năm 2019? a. Hiệu quả hơn b. Không hiệu quả c. Không thay đổi d. Không biết Lý do: …… ……	- Hộ gia đình
C.1.4.	*Anh/chị hãy lựa chọn 3 khó khăn (quan trọng nhất) hạn chế hiệu quả thực thi pháp luật kiểm soát, ngăn chặn, xử lý hành vi khai thác, vận chuyển, sử dụng gỗ và lâm sản trái phép*	- Phỏng vấn Chi cục kiểm lâm. - Phỏng vấn Hạt Kiểm lâm - Phỏng vấn Chủ rừng tổ chức - Phỏng vấn UBND xã - Phỏng vấn Hộ gia đình - Phỏng vấn Tổ chức phi chính phủ

	Khó khăn	Đánh dấu vào lựa chọn phù hợp
	Quy định về chức năng, thẩm quyền của các đơn vị chức năng	
	Ý chí chính trị/quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo địa phương	
	Năng lực thực thi	
	Tính răn đe, nghiêm minh của quy định pháp luật (chế tài xử phạt)	
	Cơ chế, phối hợp thực hiện (truy tố, xử phạt hành chính, hình sự)	
	Kiểm soát gỗ nhập khẩu	
	Thói quen tiêu dùng/thực hành địa phương liên quan tới rừng (sử dụng gỗ quý làm nhà…)	
	Khác (Nêu rõ)	

C.1.5.	*Anh/chị vui lòng lựa chọn 03 giải pháp quan trọng nhất nhằm cải thiện hiệu quả kiểm soát, ngăn chặn khai thác vận chuyển gỗ trái phép trên địa bàn*	- Phỏng vấn Chi cục kiểm lâm. - Phỏng vấn Hạt Kiểm lâm - Phỏng vấn Chủ rừng tổ chức - Phỏng vấn UBND xã - Phỏng vấn Hộ gia đình - Phỏng vấn Tổ chức phi chính phủ

Giải pháp	Đánh dấu vào lựa chọn phù hợp
Quy định về chức năng, thẩm quyền của các đơn vị chức năng	
Ý chí chính trị/quan điểm chỉ đạo của lãnh đạo địa phương	
Năng lực thực thi	

	Chế tài xử phạt			
	Cơ chế, phối hợp thực hiện			
	Kiểm soát gỗ nhập khẩu			
	Thay đổi thói quen tiêu dùng/thực hành địa phương liên quan tới rừng			
	Khác (nêu rõ)			
C.2:	**Thúc đẩy phát triển kinh doanh rừng trồng và cao su bền vững**			
C.2.3.	*Anh/chị hãy lựa chọn 03 khó khăn hạn chế doanh nghiệp/hộ gia đình đầu tư phát triển rừng trồng bền vững/rừng gỗ lớn?*			- Phỏng vấn công ty lâm nghiệp - Phỏng vấn công ty cao su, doanh nghiệp tư nhân - Phỏng vấn hộ cao su tiểu điền. - Doanh nghiệp vừa và nhỏ - Hợp tác xã
	Khó khăn	Đánh dấu P vào lựa chọn phù hợp		
	Chính sách hưởng dụng đất đai			
	Khó khăn tiếp cận vốn/chi phí đầu tư			
	Rủi ro (tự nhiên, pháp lý, v.v.)			
	Hạn chế về khoa học công nghệ và thiếu hướng dẫn kĩ thuật			
	Thiếu thông tin và tiếp cận thị trường			
	Thiếu lực lượng lao động (sức khỏe, năng lực)			
	Thiếu tư vấn pháp lý và cơ giải quyết tranh chấp hiệu quả			
	Khác (Nêu rõ)			
C.3:	**Đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng cho cộng đồng địa phương sống dựa vào rừng**			
1.3.2 Q1:	*Các chính sách lâm nghiệp nào sau đây tạo điều kiện sinh kế bền vững cho cộng đồng địa phương phụ thuộc vào rừng? Lựa chọn nhiều hơn một gợi ý và nêu tên chính sách liên quan.*			- Xem xét tài liệu thứ cấp - Phỏng vấn chuyên viên CCKL - Phỏng vấn cộng đồng địa phương - Chủ rừng là tổ chức - Các tổ chức phi chính phủ
	Chính sách lâm nghiệp hỗ trợ sinh kế	**Lựa chọn (x)**	**Tên chính sách (nếu có)**	
	Xã hội hoá hoạt động lâm nghiệp, đảm bảo sự tham gia của hộ gia đình, cộng đồng dân cư			
	Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình, cộng đồng dân cư			
	Hỗ trợ giống cây trồng			
	Tập huấn về kỹ thuật			

	Cho vay vốn ưu đãi trồng rừng					
	Liên doanh, liên kết trồng rừng					
	Giao khoán quản lý bảo vệ rừng					
	Chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng					
	Tận thu lâm sản ngoài gỗ từ rừng được giao quản lý					
	Khác (nếu có)					
C.3.4.	*Địa phương có thực hiện khoán bảo vệ rừng không? Nếu có, anh chị có hài lòng về cơ chế khoán bảo vệ rừng cho HGĐ/Nhóm hộ của các chủ rừng tổ chức hay không? (đánh dấu x vào lựa chọn phù hợp)*					- Phỏng vấn BQL rừng cộng đồng. - Phỏng vấn hộ gia đình
	Nội dung	Hài lòng	Không hài lòng	Không ý kiến		
	Diện tích khoán					
	Mức chi trả cho khoán BVR					
	Hình thức/thủ tục nhận chi trả					
	Thời hạn chi trả					
	Cách thức phân chia lợi ích trong nhóm					
	Sự phối hợp giữa các bên trong BVR					
C.3.7.	*Anh chị đánh giá thế nào về kết quả/hiệu quả bảo vệ rừng của hộ gia đình/nhóm hộ/cộng đồng nhận khoán tại địa phương (cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng theo hợp đồng khoán)? Tại sao? (đánh dấu P vào lựa chọn phù hợp)*					- Phỏng vấn UBND xã - Phỏng vấn NGOs: WWF/Ecodit - Phỏng vấn Chủ rừng tổ chức - Phỏng vấn kiểm lâm địa bàn. - Trường/viện nghiên cứu.
	Nội dung	Hiệu quả hơn	Không hiệu quả	Không biết/không ý kiến	Lý do	
	Giảm mất rừng					
	Giảm suy thoái rừng					
	Giảm vi phạm lâm luật					
	Cải thiện hợp tác giữa các bên					
	Tăng thu nhập/việc làm					
	Nâng cao nhận thức về BVR					
	Tăng hiệu quả sử dụng đất và sinh kế thay thế					
C.3.11.	*Mong muốn của cộng đồng/đơn vị đối với diện tích rừng do UBND xã tạm quản lý là gì?*					

	Mong muốn		Đánh dấu P vào lựa chọn phù hợp	Lý do		- Phỏng vấn Trưởng thôn - Phỏng vấn Hộ gia đình/cộng đồng - Phỏng vấn Chủ rừng tổ chức
	a. Giữ nguyên hiện trạng					
	b. Giao cho cộng đồng (thôn, bản)					
	c. Giao cho hộ/nhóm hộ gia đình					
	d. Tăng cường chia sẻ lợi ích					
	e. Giao cho công ty/tổ chức kinh tế					
	f. Giao cho chủ rừng nhà nước					
	g. Chuyển đổi MĐSD					
	h. Giao cho lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách					
	i. Không có ý kiến					
C.3.13.	*Cộng đồng trên địa bàn có được giao sổ đỏ/giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng không? Nếu có, anh chị đánh giá thế nào về kết quả/hiệu quả bảo vệ rừng cộng đồng ở địa phương? Tại sao? (đánh dấu vào lựa chọn phù hợp)*					- Phỏng vấn UBND xã - Phỏng vấn tổ chức phi chính phủ - Phỏng vấn Chủ rừng tổ chức - Phỏng vấn kiểm lâm địa bàn
	Nội dung		Hiệu quả hơn	Không hiệu quả	Không ý kiến	Lý do
	Giảm mất rừng					
	Giảm suy thoái rừng					
	Giảm vi phạm lâm luật					
	Cải thiện hợp tác giữa các bên					
	Tăng thu nhập/việc làm					
	Nâng cao nhận thức về BVR					
	Tăng hiệu quả sử dụng đất và sinh kế thay thế					
C.3.14.	*Các sản phẩm người dân khai thác từ rừng tự nhiên ảnh hưởng như thế nào tới công tác quản lý, bảo vệ rừng?*					Phỏng vấn UBND xã/cán bộ lâm nghiệp xã Phỏng vấn kiểm lâm địa bàn Phỏng vấn Trưởng thôn Phỏng vấn Hộ gia đình
	Loại lâm sản	Mục đích khai thác (thương mại/sử dụng trong gia đình)	Có/không có quy chế/quy ước	Mức độ ảnh hưởng tới bảo vệ rừng (đánh dấu P vào lựa chọn phù hợp)		
				Tích cực	Tiêu cực	Không ảnh hưởng
	Song mây					
	Dược liệu					

	Cây cảnh						Doanh nghiệp vừa và nhỏ, HTX
	Mật ong						
	Gỗ củi						
	Nấm						
	Măng tre						
	....						
C.3.15.	*Ảnh hưởng của các dự án/hoạt động phát triển đến công tác QLRBV tại địa phương (đánh dấu x vào lựa chọn phù hợp)*						- Phỏng vấn Phòng NN&PTNT, - Hạt kiểm lâm - Phỏng vấn UBND huyện - Phỏng vấn Chủ rừng tổ chức - Phỏng vấn chuyên viên Sở NN&PTNT/Sở TNMT/KHĐT - Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ/tổ chức xã hội
	Dự án/hoạt động	Tích cực	Không tác động	Tiêu cực	Không biết	Loại rừng bị tác động (ĐD, PH, SX)	
	Dự án Đầu tư của doanh nghiệp						
	Dự án Đầu tư/hỗ trợ của nhà nước						
	Dự án của tổ chức phi chính phủ						
	Các dự án Trồng rừng thay thế						
	Các dự án Trồng rừng gỗ lớn/chứng chỉ QLRBV						
	Chương trình REDD+						
	Các dự án phát triển						
	Dự án khác: ……						
2.1	**Sự tham gia của các bên liên quan**						
2.1.1 Q1:	*Các bên liên quan có được tham gia vào các tiến trình/giai đoạn xây dựng chính sách? Lựa chọn nhiều hơn một gợi ý:*						- Phỏng vấn chuyên viên

	Cơ hội tham gia công khai của các bên liên quan trong tiến trình/giai đoạn xây dựng chính sách	**Lựa chọn (x) nếu có**			Sở NNPTNT - Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ, xã hội dân sự
	Giai đoạn hình thành ý tưởng và mục tiêu chính sách				
	Giai đoạn xây dựng chính sách				
	Giai đoạn thông qua và ban hành chính sách				
	Giai đoạn đánh giá tác động của chính sách				
2.1.2	*Các bên liên quan có được tham gia vào các tiến trình xây dựng và thực hiện dự án phát triển có tác động đến rừng và đất rừng tại địa phương không? (VD xây dựng cơ sở hạ tầng, thuỷ điện, khai khoáng, v.v...) Lựa chọn nhiều hơn một gợi ý:*				
	Cơ hội tham gia công khai của các bên liên quan trong tiến trình xây dựng và thực hiện dự án tại địa phương	**Lựa chọn (x) nếu có**			- Chuyên viên phòng NNPTNT - UBND xã - Trưởng thôn
	Giai đoạn xây dựng dự án (đánh giá tác động môi trường, kinh tế, xã hội...)				
	Giai đoạn giám sát thực hiện dự án				
	Giai đoạn đánh giá tác động dự án				
Q1.1.	Có cơ chế tham gia của nhóm yếu thế?				- Phỏng vấn chuyên viên Sở NNPTNT - Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ, xã hội dân sự - Chuyên viên phòng NNPTNT - UBND xã - Trưởng thôn - Hộ dân
	Có cơ chế khuyến khích để nhóm yếu thế (giới, hộ nghèo, dân tộc thiểu số) tham gia vào quá trình xây dựng chính sách không? (mời họp, ưu tiên tham gia bày tỏ ý kiến...)	Có	Không	Không biết	
	Các cơ quan chức năng có tạo điều kiện để nhóm yếu thế tham gia vào quá trình xây dựng chính sách không?				
	Anh chị có hài lòng hay không?				
	Lý do hài lòng (hoặc không hài lòng):				
2.1.1 Q2:	*Tiếng nói của các bên liên quan (NGOs, CSOs, doanh nghiệp, cộng đồng...) được tiếp thu trong quá trình sửa đổi, điều chỉnh chính sách và quyết định liên quan đến rừng như thế nào?*				- Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ, xã hội dân sự - Doanh nghiệp - Đại diện cộng đồng
	Tiếng nói của các CSOs trong quá trình sửa và điều chỉnh chính sách	**Được tiếp thu (nhiều hay ít)**	**Không được tiếp thu**	**Giải thích**	
	Tham vấn lấy ý kiến riêng				
	Tham vấn trong Hội thảo tham vấn ý kiến				
	Tham vấn trong quá trình góp ý bản thảo				

	Tiếng nói của các doanh nghiệp trong quá trình sửa và điều chỉnh chính sách	**Được tiếp thu (nhiều hay ít)**	**Không được tiếp thu**	**Giải thích**	
	Tham vấn lấy ý kiến riêng				
	Tham vấn trong Hội thảo tham vấn ý kiến				
	Tham vấn trong quá trình góp ý bản thảo				
	Tiếng nói của cộng đồng trong quá trình sửa và điều chỉnh chính sách	**Được tiếp thu (nhiều hay ít)**	**Không được tiếp thu**	**Giải thích**	
	Tham vấn lấy ý kiến riêng				
	Tham vấn trong Hội thảo tham vấn ý kiến				
	Tham vấn trong quá trình góp ý bản thảo				
Q3	**Lựa chọn 03 khó khăn của các CSOs khi tham gia vào các hoạt động cải thiện quản trị cảnh quan**				- NGOs, CSOs
	Khó khăn	Đánh dấu vào lựa chọn phù hợp			
	Năng lực hạn chế				
	Khả năng phản biện chính sách				
	Nguồn lực tài chính				
	Tổ chức kết nối, thúc đẩy và làm việc với các bên liên quan				
	Khả năng nhận diện vấn đề của cảnh quan				
	Không theo sát tiến trình chính sách				
	Khác (cụ thể)				
2.2.	**Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình**				
2.2.1 Q1:	*Thông tin liên quan đến rừng có được công khai cho các bên liên quan không? Nếu có, theo kênh nào? (Các kênh thông tin bao gồm: Bảng tin tại UBND xã, Bảng tin tại nhà văn hóa thôn/bản, Bảng tin công cộng của khu dân cư, Loa truyền thanh xã, Cuộc họp giao ban, Cuộc họp thôn bản, Website, Nguồn khác)*				- Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ, xã hội dân sự - Cộng đồng - Doanh nghiệp - UBND xã
	Thông tin về rừng	**Công khai**	**Kênh thông tin nào?**		
	Thông tin cập nhật về diễn biến tài nguyên rừng hàng năm của tỉnh				
	Thông tin về Chi trả dịch vụ môi trường rừng				
	Thông tin về kế hoạch quản lý rừng				
	Thông tin về chủ rừng có sổ đỏ				

	Thông tin về tranh chấp đất rừng				
	Thông tin về các vụ vi phạm lâm luật				
	Thông tin về xử lý các vụ vi phạm lâm luật				
	Thông tin về quy hoạch dự án lâm nghiệp				
	Thông tin về dự án thu hồi đất rừng				
	Thông tin về khoán bảo vệ rừng				
	Thông tin về giám sát đánh giá nội bộ và độc lập				
2.2.1 Q2:	*Địa phương có kênh thông tin tiếp nhận về các thắc mắc, khiếu nại không?*				- Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ, xã hội dân sự. - Doanh nghiệp vừa và nhỏ - Đại diện cộng đồng, hộ gia đình
	Thông tin cần thắc mắc	**Có kênh thông tin tiếp nhập về thắc mắc khiếu nại không?**	**Có được tiếp nhận ko?**	**Có được giải quyết thoả đáng ko?**	
	Thông tin về giải quyết tranh chấp đất rừng				
	Thông tin về giải quyết các vụ vi phạm lâm luật				
	Thông tin về giải quyết bồi thường khi thu hồi đất rừng				
	Thông tin về giải quyết thắc mắc khiếu nại về khoán bảo vệ rừng				
3.4.1 Q1:	*Có các kênh báo cáo tham nhũng và bảo vệ tố giác trong hệ thống quản trị nhà nước không? Có hiệu quả không? Có thể lựa chọn nhiều hơn một gợi ý.*				- Phỏng vấn thanh tra Sở NNPTNT - Phỏng vấn CLB Lâm nghiệp - Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ (ví dụ Transparency International) - Xem xét tài liệu thứ cấp. - Doanh nghiệp vừa và nhỏ - CCKL
	Các kênh báo cáo tiếp nhận thông tin	**Có hay không (Có/không)**	**Hiệu quả**	**Phản hồi**	**Không biết**	
	Tiếp nhận thông tin phản ánh trực tiếp (trong giờ hành chính)					
	Tiếp nhận thông tin bằng tin nhắn qua số điện thoại di động					
	Tiếp nhận thông tin qua hộp thư điện tử					
	Tiếp xúc cử tri					

3.4.2 Q1:	*Anh/chị có biết các tổ chức/dự án nào giúp thể hiện tiếng nói của các bên liên quan ngoài nhà nước nhằm cải thiện quản trị rừng? (VD dự án V4MF, tổ chức WWF, PanNature, RECOFTC, dự án Trường Sơn Xanh, SRD, CRD, Green Viet, CSRD, CIRD, kênh báo chí...) Tổ chức hay dự án nào giúp thể hiện hiệu quả?*	- Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ (ví dụ Global Watch). - Phỏng vấn NSAs tại địa phương - Xem xét tài liệu thứ cấp
2.3	**Năng lực và hành động của các bên liên quan**	
2.3.1 Q1:	*Mức độ ưu tiên tăng cường năng lực của các tổ chức xã hội dân sự, người dân tộc thiểu số, doanh nghiệp vừa và nhỏ khi tham gia các hoạt động liên quan đến lâm nghiệp bao gồm lập kế hoạch và thực hiện?* *(Ưu tiên cao đánh số 1, ưu tiên trung bình đánh số 2, ưu tiên thấp đánh số 3)*	- Phỏng vấn các tổ chức xã hội dân sự - Phỏng vấn các doanh nghiệp vừa và nhỏ - Đại diện cộng đồng

Bên liên quan	**Vận động chính sách**	**Thể hiện tiếng nói**	**Xây dựng dự án**	**Giám sát quản trị**	**Khác**
Tổ chức xã hội dân sự					
Người dân tộc thiểu số					
Doanh nghiệp vừa và nhỏ					

3.1.1 Q1:	*Đơn vị có đủ biên chế không? Năng lực, trình độ chuyên môn và hiệu quả công việc ở mức độ nào?*					- Phỏng vấn CCKL, lãnh đạo Hạt kiểm lâm - Phỏng vấn công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng - Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ
	Cơ quan quản lý lâm nghiệp	**Số lượng biên chế (người)**	**Mức độ (Đủ hay Thiếu)**	**Trình độ chuyên môn Đánh giá (Tốt hay Trung bình hay Yếu) 3/2/1**	**Hiệu quả quản lý (Tốt hay Trung bình hay Yếu) 3/2/1**	
	Chi cục Kiểm lâm					
	Hạt Kiểm lâm					
	Công ty lâm nghiệp					
	Ban quản lý rừng đặc dụng					

	Ban quản lý rừng phòng hộ					
3.2.1 Q1:	*Nhằm nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý, ngăn chặn tội phạm về lâm nghiệp và các hoạt động bất hợp pháp khác, đơn vị cần ưu tiên đầu tư thêm khía cạnh nào sau đây? Vì sao? Cho điểm: cần ưu tiên 1, trung bình 2, ưu tiên thấp 3*					- Phỏng vấn lãnh đạo Kiểm lâm, Hải quan, Thuế, Quản lý thị trường
	Cơ quan thực thi pháp luật	**Năng lực phát hiện**	**Năng lực xử lý**	**Năng lực ngăn chặn**	**Năng lực phối hợp với các bên liên quan**	
	Kiểm lâm					
	Hải quan					
	Thuế					
	Quản lý thị trường					
3.2.1 Q2.	*Nguồn lực cho việc thực hiện FLEGT/VPA? Lựa chọn 3 ưu tiên.*					- Phỏng vấn lãnh đạo Kiểm lâm, Hải quan - Phỏng vấn Cơ quan quản lý CITES - Phỏng vấn các tổ chức phi chính phủ (ví dụ: WWF, IUCN, TRAFFIC, WCS) - Doanh nghiệp, hiệp hội
	Nguồn lực cần thiết			**Lựa chọn**	**Cụ thể là gì?**	
	Nhân lực thực hiện VNTLAS (Kiểm lâm, Hải quan)					
	Thông tin về VNTLAS phổ biến rộng rãi					
	Hỗ trợ kỹ thuật					
	Nhân lực cho đơn vị cấp phép FLEGT (Cơ quan CITES)					
	Nguồn lực tài chính					
	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật số					
	Kỹ năng cho đơn vị thực thi (Kiểm lâm, Hải quan, cơ quan CITES...)					
	Nguồn lực khác					
3.1.2	**Giám sát đánh giá**					
3.1.2 Q1:	*Hoạt động thanh tra, giám sát, đánh giá nội bộ của Đơn vị hoạt động có hiệu quả không?*					- Phỏng vấn chuyên viên thanh tra Sở NNPTNT - Phỏng vấn công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng
	Hoạt động thanh tra, giám sát và đánh giá nội bộ			**Đánh giá (Tốt hay Trung bình hay Yếu) hay không có**	**Mức độ thường xuyên**	
	Hoạt động thanh tra					
	Hoạt động giám sát và đánh giá					
3.1.2 Q2:	*Có hệ thống thanh tra, đánh giá và giám sát từ Bộ hay từ bên thứ 3 độc lập không? Lựa chọn nhiều hơn một gợi ý:*					

	Hệ thống thanh tra, giám sát và đánh giá từ Bộ hay bên thứ 3 độc lập	**Lựa chọn (x) nếu có**		- Phỏng vấn chuyên viên thanh tra Sở NNPTNT - Phỏng vấn công ty lâm nghiệp,Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng
	Có thanh tra, giám sát và đánh giá từ Bộ không?			
	Có thanh tra, giám sát và đánh giá từ Bên thứ 3 độc lập không?			
3.1.2 Q3:	*Các kết quả giám sát và đánh giá được sử dụng như thế nào? Lựa chọn nhiều hơn một gợi ý.*			- Phỏng vấn chuyên viên thanh tra Sở NNPTNT - Phỏng vấn công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ và đặc dụng
	Sử dụng kết quả thanh tra, giám sát và đánh giá	**Lựa chọn (x) nếu có**		
	Xử lý sai phạm			
	Sửa đổi kế hoạch quản lý			
	Đề xuất biện pháp mới			
	Báo cáo thanh tra, giám sát và đánh giá			
	Ý kiến khác (nêu cụ thể nếu có)			

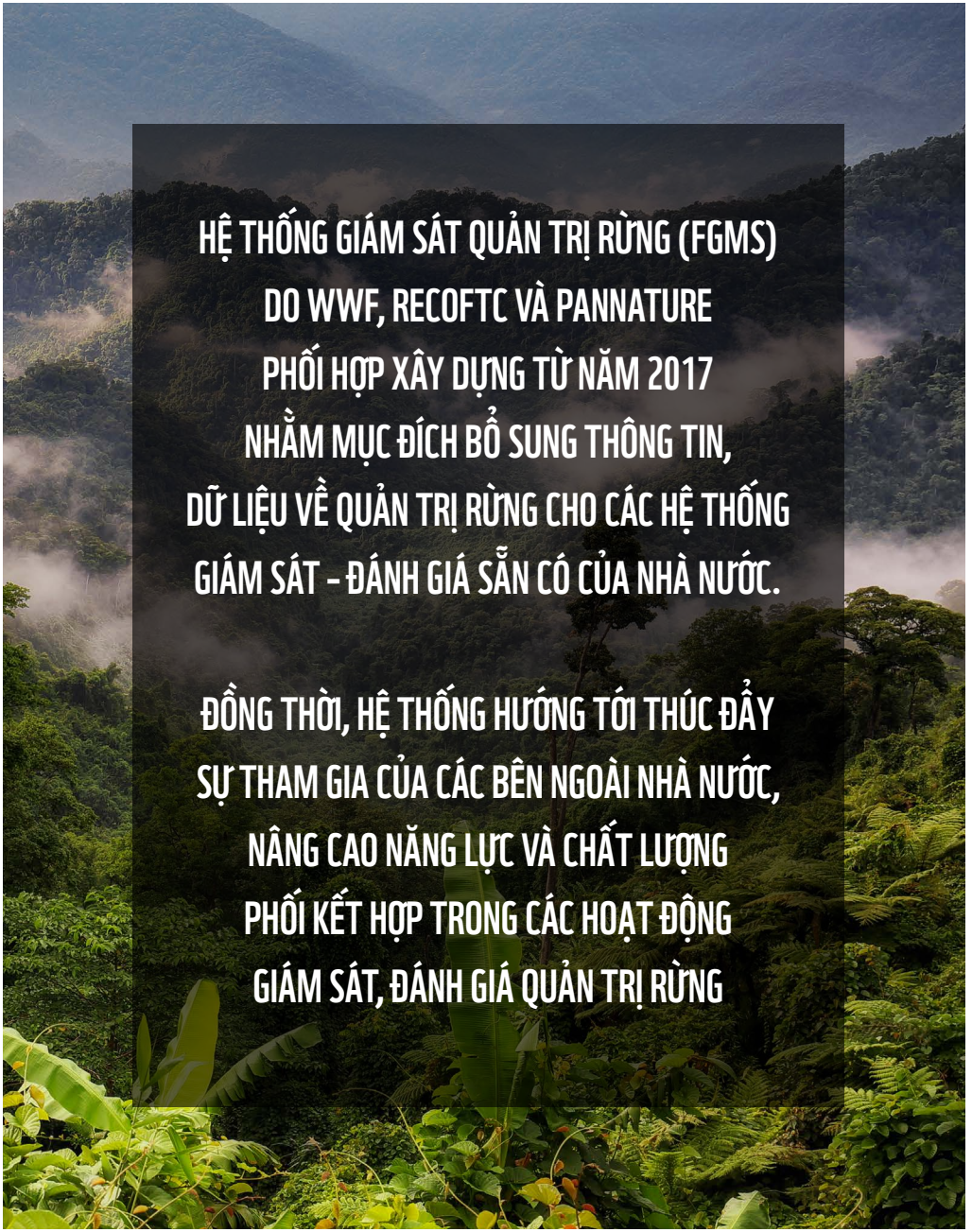

WWF

Nuôi dưỡng thế giới tự nhiên
vì lợi ích của cả con người và
muôn loài.

together possible vietnam.panda.org

© Biểu tượng Panda năm 1986 của Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên - WWF
(Tên cũ là Quỹ Động vật Hoang dã Thế giới)
® "WWF" là thương hiệu đã được đăng ký của WWF. WWF, Rue Mauverney 28, 1196
Gland, Thuy Sĩ. Tel. +41 22 364 9111; Fax +41 22 364 0332.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng truy cập **vietnam.panda.org**